

TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 4

Ấn bản 5.6, 1983-2002

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ Khóa _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

Nước chảy, đá mòn.



Sách Cấp 4, ấn bản 5.6 1983-2002.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Hai, 2002.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gửi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang
P.O. Box 32563
San Jose, CA. 95152

Điện thoại: (408) 486-7085
Điện thư: (408) 998-5018
E-mail: admin@vanlangsj.org
Web site: <http://www.vanlangsj.org>

MỤC LỤC

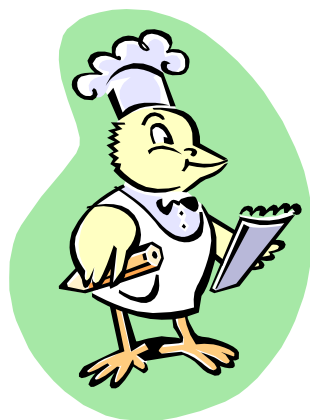
- Nội quy	v
- Lời mở đầu	vi
- Định nghĩa	vii
- Nguyên tắc viết chính tả	viii
- Chữ cái - Nguyên âm và phụ âm	xii

Bài học

- Bài 1: eo, êu, iu	1
- Bài 2: ec, oc, ôc	5
- Bài 3: ia, oa, oe	9
- Bài 4: học ôn	13
- Bản đồ Việt Nam	17
- Bài 5: oi, ôi, ơi	19
- Bài 6: om, ôm, ơm	23
- Bài 7: on, ôn, ơn	27
- Bài 8: học ôn	31
- Bài thi mẫu giữa khóa	35
- Phiếu điểm thi giữa khóa	38
- Bài 9: op, ôp, ơp	39
- Bài 10: ot, ôt, ơt	43
- Bài 11: ua, ưa, uc, ưc	47
- Bài 12: học ôn	51
- Bài 13: ui, ươi, uy	55
- Bài 14: um, un, uê	59
- Bài 15: up, ut, ưt	63
- Bài 16: học ôn	67
- Bài thi mẫu cuối khóa	73
- Phiếu điểm thi cuối khóa	76

Bài làm ở nhà

- Bài làm ở nhà 1	77
- Bài làm ở nhà 2	81
- Bài làm ở nhà 3	85
- Bài làm ở nhà 4	89
- Bài làm ở nhà 5	93
- Bài làm ở nhà 6	97
- Bài làm ở nhà 7	101
- Bài làm ở nhà 8	105
- Bài làm ở nhà 9	109
- Bài làm ở nhà 10.....	113
- Bài làm ở nhà 11.....	117
- Bài làm ở nhà 12.....	121
- Bài làm ở nhà 13.....	125
- Bài làm ở nhà 14.....	129
- Bài làm ở nhà 15.....	133
- Bài làm ở nhà 16.....	137
- Việt sử đọc thêm	139
- Giải nghĩa tục ngữ.....	140
- Tài liệu tham khảo	142
- Quốc Ca.....	143
- Việt Nam Việt Nam	144



NỘI QUY

1. Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục. Học sinh đến lớp trễ 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp ban kỉ luật để nhận giấy phép vào lớp.
2. Học sinh nghỉ học phải có thông báo của phụ huynh trước với Thầy Cô giáo, hoặc phải mang theo giấy xin phép của phụ huynh trình bày lí do nghỉ học tuần vừa qua.
3. Học sinh đến lớp trễ 5 buổi liên tiếp, hoặc nghỉ học 3 buổi liên tục mà không có lí do chính đáng, hoặc không xin phép cũng như không có giấy xác nhận của phụ huynh, sẽ không được tiếp tục theo học khóa hiện tại.
4. Học sinh đến trường phải mặc đồng phục gọn gàng.
5. Học sinh phải giữ kỉ luật trong lớp, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy Cô giáo trực tiếp phụ trách. Vi phạm kỉ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học trong một thời gian hoặc vĩnh viễn.
6. Học sinh phải hòa nhã đối với bạn cùng lớp, cùng trường.
7. Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa, phải làm đầy đủ bài tập mỗi tuần. Khi vắng mặt trên 5 buổi học, dù có lí do chính đáng cũng sẽ không được lên lớp trong khóa tới.
8. Học sinh phải gìn giữ vệ sinh chung của trường và lớp học, tuyệt đối không được di chuyển đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học.
9. Học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên trường các vật dụng như: vật bén nhọn, chất nổ, ma túy, hóa chất cũng như vũ khí.
10. Học sinh phải tham dự các sinh hoạt của Trung Tâm dưới sự hướng dẫn của ban Điều Hành và Thầy Cô giáo.

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 12 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 12. Mỗi tập gồm có 15 bài học trong lớp và 15 bài làm ở nhà. --- Riêng 5 tập đầu có 16 bài. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose, California, U . S . A.

ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *a, o, ui, iết, ong, iêng, ươn* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *A! bông hoa đẹp quá.*

Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.

Thí dụ:
- *A, ba, nhà* là ba từ đơn.
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

NHỮNG NGUYÊN TẮC VIẾT CHÍNH TẢ

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ kẻ **trờn** cây.
- **Gần** mực thì đen, **gần** đèn thì **rạng**.

2) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đứng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- CỤ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước** **Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (·) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

*“ Em Huyền (˘) mang Nặng (·) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào ”.*

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hòa hoãn, Thổ thần

C- Viết Chính Tả Với Chữ I và Y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ i khi i ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do

địa lý

đi tỵ nạn

một tỷ đồng

v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do

địa lí

đi tị nạn

một tỉ đồng

II. Về chữ y.

Chỉ viết chữ y dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ y) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú ý	ngồi ý
ý kiến	y phục
ý lại	v. v. . .

2. Tuy y và i đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm y dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm i ngắn được như :

● Từ có vần:

nước **cháy** (ay)

ngày **nay** (ay)

say **túy lúy** (uy)

cô **Thúy** (uy)

v. v. . .

không thể viết

không thể viết

không thể viết

không thể viết

● Từ có vần:

nước **chải** (ai)

ngài **nai** (ai)

say **túi lúi** (ui)

cô **Thúi** (ui)

3. Với y dài hay i ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu **Í** (tên nhà văn)

Lý Thường Kiệt (tên một danh tướng)

Mỹ Tho (tên một tỉnh)

Mỹ Quốc (tên một nước)

v. v. . .

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết i ngắn và khi nào viết y dài.

23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A B C D Đ E G H
a b c d đ e g h

I K L M N O P Q
i k l m n o p q

R S T U V X Y
r s t u v x y

THÊM DẤU

* Dấu mũ: ˆ * Dấu á: ˘ * Dấu móc: ˆ

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A Ă Â B C D Đ E
a á ó bờ cờ dờ đờ e

Ê G H I K L M N
ê gờ hờ i ca lờ mờ nờ

O Ô Ơ P Q R S T
o ô ơ pờ quờ rờ sờ tờ

U Ư V X Y
u ư vờ xờ i-cờ-rét

12 NGUYÊN ÂM ĐƠN

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	<i>i-cờ-rét</i>

11 PHỤ ÂM GHÉP

CH	GH	GI	KH	
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>	
	NG	NGH		
	<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>		
NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

BÀI MỘT

- Vần:**

eo	êu	iu
<i>Phát âm: e-o-eo</i>	<i>ê-u-êu</i>	<i>i-u-iu</i>



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + o = eo	cái kéo <i>(cờ-ai-cai-sắc-cái ca-eo-keo-sắc-kéo)</i>
ê + u = êu	áo thêu <i>(a-o-ao-sắc-áo thờ-êu-thêu)</i>
i + u = iu	líu lo <i>(lờ-iu-liu-sắc-líu lờ-o-lo)</i>

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

trèo cây - nhỏ xíu

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ãn íu</p> <div style="text-align: center; margin: 20px 0;">  </div> <p>Bé có nhấn _____</p>	<p>èo ây</p> <div style="text-align: center; margin: 20px 0;">  </div> <p>Con mèo _____</p>
---	---

• Em ráp vần.

b + eo		béo <i>(bờ-eo-beo-sắc-béo)</i>	bèo <i>(bờ-eo-beo-huyền-bèo)</i>
k		kéo	keo
m		mèo	méo
th		theo	thèo

d + iu		điù <i>(dờ-iu-diu-huyền-điù)</i>	địu <i>(dờ-iu-diu-nặng-địu)</i>
t		tiù	tịu
x		xíu	xịu
ch		chịu	chịu

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bé theo bà đi chợ. Cô Tám thêu khăn đẹp. Chớ nên ăn đồ thiu con mèo mếu máo lú lo ...



• Tập đọc.

Con Mèo

Nhà em có con mèo.
 Ban ngày thiu thiu ngủ.
 Tối đến hay leo trèo.
 Chuột nghe sợ khiếp vía.
 Khi mèo kêu meo meo.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **eo, êu, iu** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **eo, êu, iu** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bé bà đi chợ.
Chó nên ăn đồ
Con mèo hay trèo.
Cô Tám khăn đẹp.
Bé có nhãn nhỏ

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Con <u>mều</u> ở nhà em.
Mèo hay <u>siu siu</u> ngủ.
Tối đến mèo leo <u>chèo</u>
Chuột <u>ngê xợ</u> khiếp vía.
Vì mèo kêu <u>mêu mêu</u>

- **Chính tả.**

- Thầy cô đọc bài "Con Mèo" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Mèo Kêu

Con mèo kêu meo meo.

Con heo kêu ụt ịt.

Chim vui hót *lú lo*.

Ồ, ó, o, o, o!

Là con gà cồ gáy.

- **Giải nghĩa.**

- *Lú lo*: Tiếng chim hót với nhiều âm thanh cao, trong và liên tiếp nhau nghe vui tai.

Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.

BÀI HAI

- Vần:** **ec** **oc** **ôc**
Phát âm: e-cờ-ec o-cờ-oc ô-cờ-ôc



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + c = ec	con kéc (<i>cờ-on-con ca-ec-kec-sắc-kéc</i>)
o + c = oc	khóc lóc (<i>khờ-oc-khoc-sắc-khóc lờ-oc-loc-sắc-lóc</i>)
ô + c = ôc	ốc sên (<i>ô-cờ-ôc-sắc-ốc sờ-ên-sên</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

khóc nhè - Ốc sên

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>óc âm</p>  <p>Bé Tâm _____</p>	<p>Ốc âm</p>  <p>_____ bò chậm.</p>
--	---

• Em ráp vần.

C + OC		COC <i>(cờ-oc-coc-sắc-cóc)</i>	COC <i>(cờ-oc-coc-nặng-cọc)</i>
b		bóc	bọc
nh		nhóc	nhọc
th		thóc	thọc

đ + ôc		đốc <i>(đờ-ôc-độc-sắc-đốc)</i>	độc <i>(đờ-ôc-độc-nặng-độc)</i>
h		hóc	hộc
m		móc	mộc
t		tóc	tộc

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ba làm việc nhọc nhàn. Lên đốc , xe chạy chậm. Con lợn kêu eng éc học trò gốc cây thọc léc ...



• **Tập đọc.**

Về Quê Chơi

Ngày hè nghỉ học, bà dắt bé về quê chơi. Bé rất vui thấy con kéc mỏ đỏ. Nó kêu kéc! kéc! Một con cóc ở gốc cây nhảy ra làm bé sợ khóc. Bà dỗ bé nín. Bà chỉ bé xem con ốc sên bò trên cây.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ec, oc, ôc** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ec, oc, ôc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Lên . . . ,xe chạy chậm.
..... sên bò chậm.
Ba làm việc nhàn.
Bé Tâm hay nhè.
Con lợn kêu eng . . . !

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
<i>Ngỉ</i> học, bé về quê chơi.
Con <i>céc</i> có mỏ màu đỏ.
<i>Kóc</i> trong hang nhảy ra.
Con ốc sên bò <i>trạm</i>

- **Chính tả.**

- Thầy cô đọc bài "Về Quê Chơi" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Còn Bé

Còn bé, em hay khóc,
Đến nay em vui học:
Nòng nọc ở dưới ao,
Lớn lên là con cóc.
Con kéc có mỏ đỏ.
Ốc sên bò rất chậm.

- **Giải nghĩa.**

- *Nòng nọc*: Loại ếch hay nhái con ở giai đoạn mới sinh trưởng, sống dưới nước, thở bằng mang và có đuôi.

Cái răng, cái tóc là vóc con người.

BÀI BA

- **Vần:** **ia** **oa** **oe**
Phát âm: *i-a-ia* *o-a-oa* *o-e-oe*



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
i + a = ia	bìa vở (<i>bờ-ia-bia-huyền-bìa vở-ơ-vơ-hỏi-vở</i>)
o + a = oa	ổ khóa (<i>ô-hỏi-ổ khờ-oa-khoa-sắc-khóa</i>)
o + e = oe	xòe tay (<i>xờ-oe-xoe-huyền-xòe tờ-ay-tay</i>)

- **Bài tập.**

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

bìa vở - khóa mắt

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ìa ên</p>  <p>Ghi tên vào _____</p>	<p>ắt óe</p>  <p>Lệ trên _____</p>
--	---

• Em ráp vần.

k + ia		kia <i>(ca-ia-kia)</i>	kìa <i>(ca-ia-kia-huyền-kia)</i>
b		bia	bìa
ch		chia	chìa
ph		phía	phìa

l + oa		loa <i>(lờ-oa-loa)</i>	lóa <i>(lờ-oa-loa-sắc-lóa)</i>
h		hóa	hòa
x		xoa	xóa
kh		khoa	khóa

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Cái áo kia đẹp hơn. Hoa hậu Hoa Kỳ . Vở ướt, chữ bị nhòe kia kìa chìa khóa bé khoe . . .



• Tập đọc.

Bé Khỏe

Mẹ vui vì bé khỏe.
 Đôi mắt bé tròn xoe.
 Má hồng như thoa phấn.
 Kìa! miệng bé cười toe!
 Chân và tay bụ bẫm.
 Ít khi bé khóc nhè.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ia, oa, oe** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ia, oa, oe** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cái áo đẹp hơn.
Vở ướt, chữ bị
Lệ rơi trên mắt.
Em ghi tên vào vở.
Hoa hậu Kỳ.

- Việt sử.

Sự Tích Trầu Cau *

Anh em họ Cao,
Thương nhau đậm đà,
Không muốn lìa xa.
Lúc anh cưới vợ,
Em buồn đi xa,
Đến bờ sông sâu,
Chết thành hòn đá.
Nhớ em lòng đau,
Anh tìm đến đó,
Chết thành cây cau.
Vợ buồn đến sau,
Chết thành dây trầu.

(xem tiếp trang 28)

- Bài hát.

Em Yêu Ai ?

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?
Thì em rằng: em yêu Ba nè.
Thì em rằng: em yêu Má nè.
Yêu chị, yêu anh, yêu hết cả nhà....
Nhưng nhất là yêu má cơ!

Hùng Lân

(xem tiếp trang 28)

Kiến tha lâu đầy tổ.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI BỐN

Ôn bài một.

- Tập đọc có vần:

eo	êu	iu
Con mèo leo trèo cây cao. Bé Tèo khéo léo vẽ theo con mèo.	Áo thêu đều chỉ màu rêu. Cò, sếu cao nghều, cao nghệu.	Gió thổi hiu hiu, bé thiú thiú ngủ. Ba có cái rìu nhỏ xíu.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **eo** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **êu** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **iu** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu.

con mèo:

áo thêu:

líu lo:

Ôn bài hai.

• Tập đọc có vần:

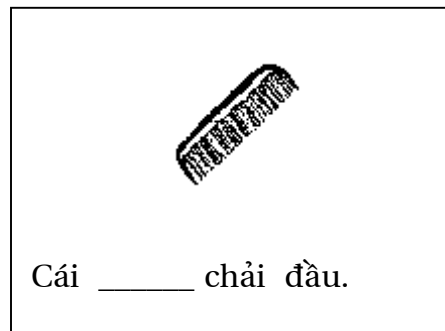
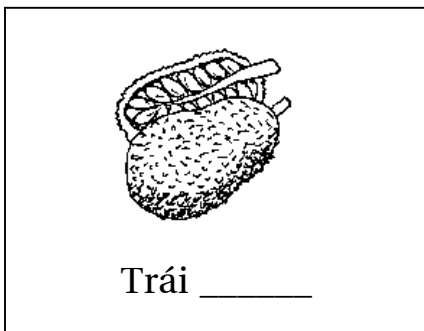
ec	oc	ôc
Kéc kêu kéc kéc. Ở quê heo kêu eng éc.	Con cóc nhảy phóc bé khóc. Chị Ngọc chăm học nhọc nhằn.	Trèo dốc một chốc thở dốc. Gió lốc làm trốc gốc cây.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ec** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố.

1. Da cóc mà bọc trứng gà,
Mở ra thơm nức cả nhà muốn ăn.
Đố là trái gì ?
2. Cái gì mà có nhiều răng,
Con gái thì thích, nhà sư chẳng dùng.
Đố là cái gì ?



Ôn bài ba.

• Tập đọc có vần:

ia	oa	oe
Kìa cá lia thia đỏ tía. Kia kì chìa khóa rơi trên vỉa hè.	Nói ngoa khoa tay xí xóa. Mùi hoa tỏa khắp tòa nhà bác Khoa.	Mẹ khoe bé khỏe. Bé cười toe toét, đôi mắt tròn xoe.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ia** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oa** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oe** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu.

đỏ tía :

mùi hoa :

xòe tay :

- **Tập đọc - Chính tả.**

Bé Khoa

Hãy coi kìa! Bé Khoa trông khỏe mạnh và lanh lẹ. Ngày ngày Khoa theo cha dạy chim kéc học nói. Chim líu lo như trẻ nhỏ. Nhưng chốc chốc nó lại kêu kéc kéc.

Vào nhà, Khoa khoe mẹ: "Mẹ à! Con kéc nói hay quá!"

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **eo, êu, iu.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ec, oc, ôc.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ia, oa, oe.**
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Bé Khoa" cho các em viết chính tả.

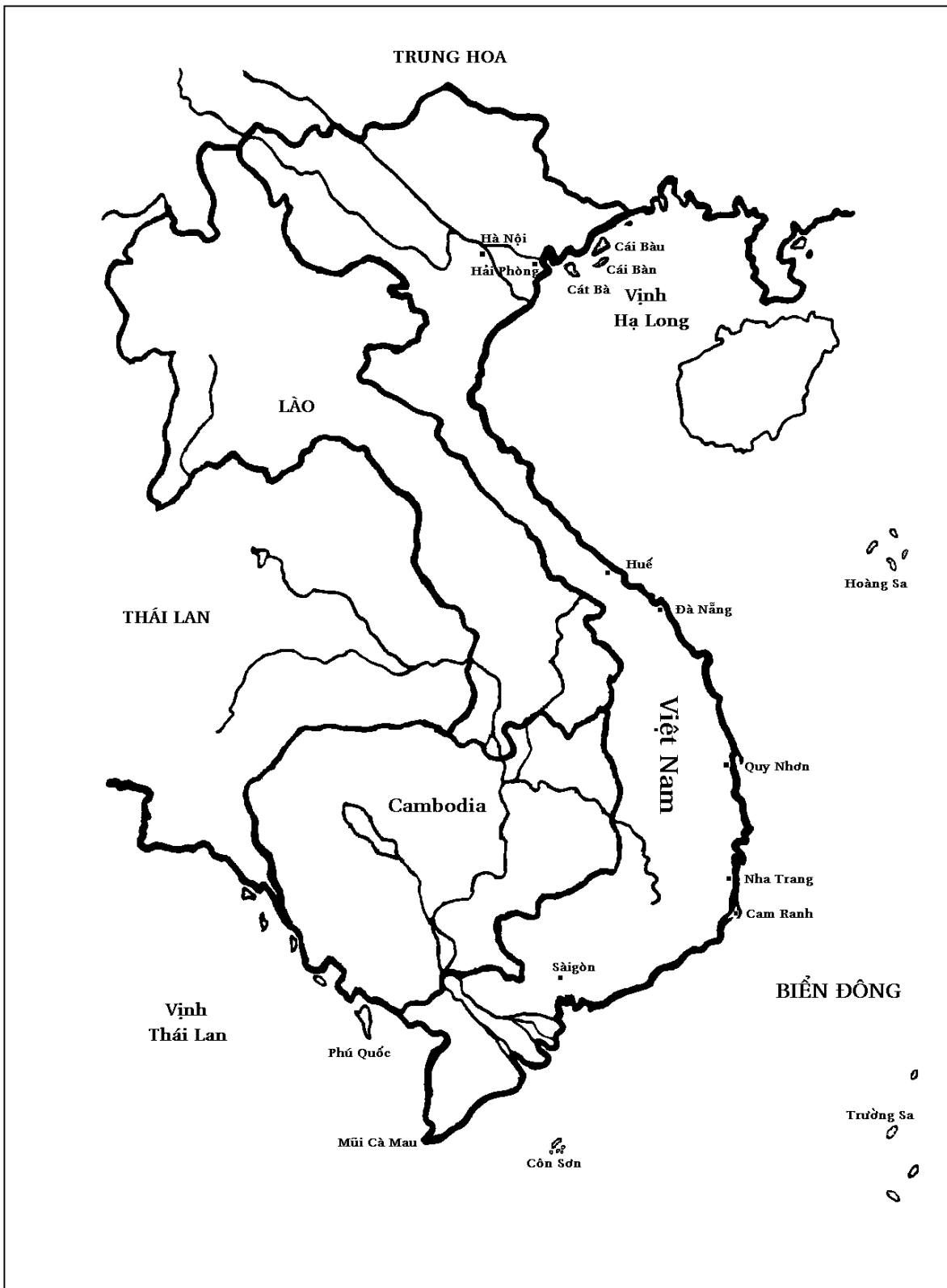
- **Địa lí.**

Bờ Biển Việt Nam

Bờ biển nước Việt Nam dài 3.444 km. Có nhiều hải cảng tốt là Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh, Vũng Tàu.

Thương người như thể thương thân.

- Tô màu bản đồ Việt Nam



BÀI NĂM

- Vần:**

oi	ôi	ơ
<i>o-i-oi</i>	<i>ô-i-ôi</i>	<i>ơ-i-ơ</i>


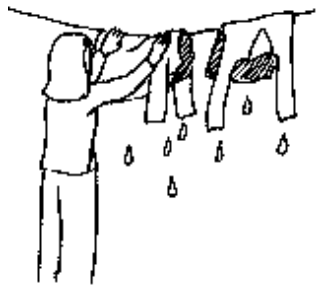
Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + i = oi	học giỏi (<i>hờ-oc-hoc-nặng-học giờ-oi-gioi-hỏi-giỏi</i>)
ô + i = ôi	cái gối (<i>cờ-ai-cai-sắc-cái gờ-ôi-gôi-sắc-gối</i>)
ơ + i = ơ	phơi áo (<i>phờ-ơ-phơi a-o-ao-sắc-áo</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

phơi áo - học giỏi

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p style="text-align: center;">ôi oi</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Em Khôi _____</p>	<p style="text-align: center;">ộc ơ</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Chị Lộc _____</p>
--	--

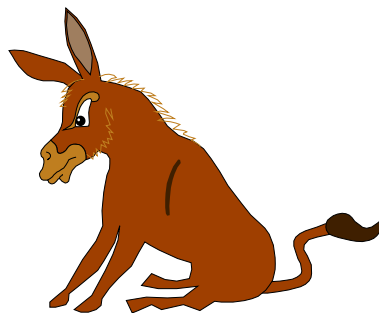
• Em ráp vần.

c + oi		coi <i>(cờ-oi-coi)</i>	còi <i>(cờ-oi-coi-huyền-còi)</i>
g		gỏi	gọi
v		voi	vọi
ng		ngói	ngồi

đ + ôi		đôi <i>(dờ-ôi-đôi)</i>	đòi <i>(dờ-ôi-đôi-huyền-đòi)</i>
t		tôi	tối
kh		khôi	khối
ph		phôi	phối

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Còi xe nghe chói tai. Gió thổi ngã cây. Có học phải có chơi	... nói đôi đi chơi ...



• **Tập đọc.**

Giờ Ra Chơi

Chuông báo giờ ra chơi.
 Cô giáo vừa cho phép.
 Em liền ra sân chơi.
 Nhảy dây ở một nơi.
 Chạy đua la ơi ơi.
 Nắng trưa thì chói lọi,
 Chẳng ai ngồi nghỉ ngơi.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **oi, ôi, ơi** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **oi, ôi, ơi** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Còi xe nghe tai.
Chị Lộc áo.
Có học phải có.
Em Khôi giỏi.
Gió mạnh . . . ngã cây.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Em ra sân <i>trơi</i> . Nhảy <i>giây</i> ở một nơi. <i>Tray</i> đua la ơi ơi. Nắng <i>chưa</i> thì <i>trói</i> lội.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Giờ Ra Chơi" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Buổi Tối Ở Quê

Ở quê khi trời tối,
Tôi ngồi chơi trên đồi.
Hiu hiu làn gió thổi,
Đế kêu ran khắp lối,
Đom đóm bay *lập lòe*,
Xa xa nghe chó sủa.

- **Giải nghĩa.**

- *Hiu hiu*: Gió thổi nhẹ, từng hồi. - *Lập lòe*: Ánh sáng khi lóe lên khi mờ đi.

Lá rụng về cội.

BÀI SÁU

- Vần:**

om	ôm	ơm
<i>o-mờ-om</i>	<i>ô-mờ-ôm</i>	<i>ơ-mờ-ơm</i>


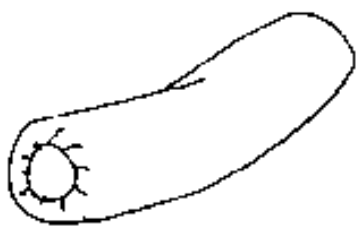
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + m = om	lom khom (<i>lờ-om-lom khờ-om-khom</i>)
ô + m = ôm	gối ôm (<i>gờ-ôi-gôi-sắc-gối ô-mờ-ôm</i>)
ơ + m = ơm	hạt cơm (<i>hờ-at-hat-nặng-hạt cờ-ơm-cơm</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

lom khom - gối ôm

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p style="text-align: center;">ià om</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Cụ già đi _____</p>	<p style="text-align: center;">ối ôm</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Cái _____ dài.</p>
--	--

• Em ráp vần.

g + ôm		gôm <i>(gờ-ôm-gôm)</i>	gồm <i>(gờ-ôm-gôm-huyền-gồm)</i>
h		hôm	hổm
ch		chôm	chồm
nh		nhôm	nhồm

b + ơm		bơm <i>(bờ-ơm-bơm)</i>	bờm <i>(bờ-ơm-bờm-huyền-bờm)</i>
c		cơm	cớm
r		rơm	rờm
nh		nhơm	nhờm

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Mẹ lom khom hái rau. Bác Khôi gầy ốm. Trái mít quá thơm.	... trái khóm con tôm bát cơm ...



• Tập đọc.

Bà Bị Ốm

Hôm qua bà bị ốm.
 Bà ăn chẳng được cơm.
 Cả nhà đều lo ngại.
 Mẹ ân cần chăm nom,
 Đưa bà đi bác sĩ.
 Hôm nay bà khỏe hơn.
 Em cảm tạ ơn trời.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **om, ôm, ơm** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **om, ôm, ơm** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Mẹ lom hái rau.
Cái gối dài.
Bác Khôi gầy
Cụ già khom.
Trái mít quá

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bà em bị <u>ố</u> n hôm qua.
Bà ăn <u>cô</u> m không được.
Mẹ em <u>trắ</u> m nom bà.
Mẹ em dạy thật <u>xó</u> m.
Nấu <u>tráo</u> mời bà ăn.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Bà Bị Ốm" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Ngày Mùa

Hôm qua em thăm quê.
Trong gió mới thổi về,
Ngọt ngào mùi thơm lúa.
Với tiếng cười *hả hả*,
Dân làng *lom khom* gặt,
Mừng vui chở thóc về.

- **Giải nghĩa.**

- *Hả hả*: Vui sướng thích thú. - *Lom khom*: Tư thế cong lưng xuống.

Sau cơn mưa, trời lại nắng.

BÀI BẢY

- Vần:** **on** **ôn** **ơn**
Phát âm: *o-nờ-on* *ô-nờ-ôn* *ơ-nờ-ơn*

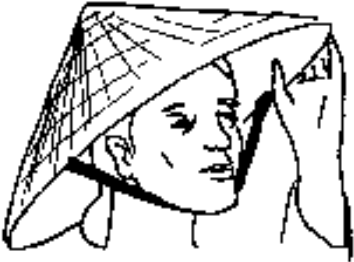

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ (tiếng) Phụ âm / Vần
o + n = on	cái nón <i>(cờ-ai-cai-sắc-cái nờ-on-non-sắc-nón)</i>
ô + n = ôn	bốn chân <i>(bờ-ôn-bôn-sắc-bốn chờ-ân-chân)</i>
ơ + n = ơn	cao lớn <i>(cờ-ao-cao lơ-ơn-lờn-sắc-lớn)</i>

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

đội nón - bốn chân

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ón ôn</p>  <p>Bác Côn _____</p>	<p>ơn ốn</p>  <p>Con lợn có _____</p>
--	--

• Em ráp vần.

c + on		con <i>(cờ-on-con)</i>	còn <i>(cờ-on-con-huyền-còn)</i>
đ		đón	đòn
ng		ngon	ngọn
tr		tròn	trọn

h + ôn		hôn <i>(hờ-ôn-hôn)</i>	hòn <i>(hờ-ôn-hôn-huyền-hòn)</i>
t		tôn	tổn
ch		chôn	chốn
kh		khôn	khốn

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bát sạch thì ngon cơm. Mẹ ôm hôn em bé. Ba và em sơn nhà.	... ngọn cây. nhộn nhịp cao hơn ...



• Tập đọc.

Bàn Tay

Bàn tay em năm ngón.
 Có ngón ngắn, ngón dài.
 Như anh em một nhà,
 Có kẻ hơn người kém.
 Nhưng cùng một mẹ cha.
 Phải yêu thương *đoàn kết*.
 Mới thật là khôn ngoan.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **on, ôn, ơn** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **on, ôn, ơn** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bát sạch thì cơm.
Ba và em nhà.
Con lợn có chân.
Mẹ ôm bé.
Bác Côn đội lá.

- Việt sử.

Sự Tích Trầu Cau *

Trầu, cau, đá vôi,
Nhai lẫn với nhau,
Lên màu đỏ thắm.
Vua Hùng thứ tư,
Truyền cho dân chúng,
Cưới hỏi nên dùng,
Trầu cau dâng lễ.
Chỉ lòng *thủy chung*.

- Bài hát.

Em Yêu Ai ?

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?
Thì em rằng: Em yêu Ông nè.
Thì em rằng: Em yêu Bà nè.
Bác, Dì, Cậu, Cô, yêu hết họ hàng....
Nhưng nhất là yêu Bà cơ.

Hùng Lĩnh
(xem tiếp trang 50)

- Giải nghĩa.

- **Đoàn kết:** Gắn bó với nhau thành một nhóm và hoạt động với cùng một mục đích.
- **Thủy chung:** Trước sau như một, không thay đổi.

Con hơn cha là nhà có phúc.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI TÁM

Ôn bài năm.

- Tập đọc có vần:

oi	ôi	ơi
Ba nói học giỏi thì khỏi sợ đói. Bé coi con voi có vòi.	Ông nội ngồi dậy đội mũ đi hội. Xa xôi chớ chối nguồn cội.	Thu tới lá rơi khắp nơi. Lời nói thức thời cho đời phấn khởi.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơi** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

bé coi:

ông nội:

bơi giỏi:

Ôn bài sáu.

• Tập đọc có vần:

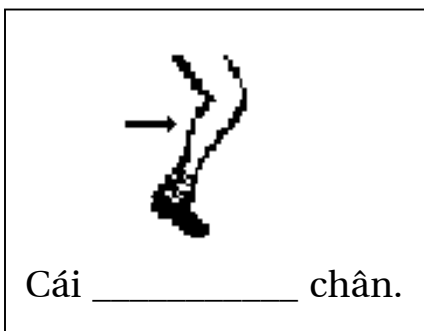
om	ôm	ơm
Cụ già lom khom chăm nom khóm trúc. Bé ca om sòm khấp xóm.	Hôm nay bé ốm bà ôm. Chiều hôm gió nồm, ngồi xồm, ăn cốm.	Tóc Bờm lởm chởm dị hợm. Nồi cơm chín thơm, đơm cơm cho sớm.

• Bài tập.

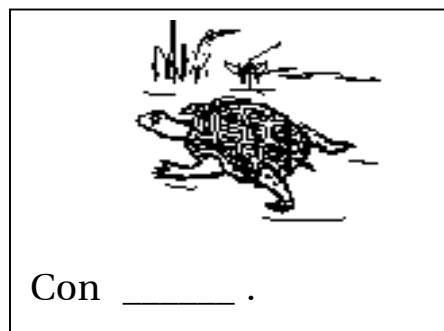
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **om** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôm** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơm** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố:

1. Lưng dầy trước bụng dầy sau,
Hai mắt bên dưới, cái đầu ở trên.
Đố là cái gì ?



2. Con gì áo giáp che thân,
Tính hay e thẹn, đầu chân thụt thò.
Đố là con gì ?



Ôn bài bảy.

- Tập đọc có vần:

on	ôn	ơn
Trẻ con lon ton đón mẹ. Có con chim non vẫn còn véo von.	Ra chốn phồn hoa bôn ba bận rộn. Nhớ chốn nông thôn từ tốn.	Công ơn cha mẹ to lớn hơn cả. Bạn Sơn hớn hờ đùa giỡn.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **on** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôn** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơn** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

con cò :

bận rộn :

sơn nhà :

- Tập đọc - Chính tả.

Mưa lớn

Hôm nay trời *oi ả* khác lạ. Báo hiệu sắp có cơn mưa lớn. Mây kéo về đen nghịt. Cả bầu trời tối om như ban đêm. Mưa bắt đầu rơi *lác đác* rồi ào ào như thác đổ. Sấm nổ rền, chớp chói lòa làm trẻ con sợ hãi.

Sau cơn mưa, cây cối như được tắm gội sạch sẽ. Khí trời mát mẻ trở lại.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **oi, ôi, ơi**.
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **om, ôm, on, ơn**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Địa lí.

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới nên có *khí hậu* nóng và ẩm thấp. Nhờ hai phía giáp biển nên mùa nóng không nóng quá, mùa lạnh không lạnh quá.

(xem tiếp trang 54)

- Giải nghĩa.

- *Oi ả*: Nóng bức rất khó chịu vì khí trời nặng khó thở. - *Lác đác*: Thưa thớt, ít ỏi. - *Khí hậu*: Tình hình chung về thời tiết của một vùng.

Nước chảy đá mòn.

BÀI THI MẪU GIỮA KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: êu, oc, ơn . . .)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài.

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (8 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 8 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 1 đến bài 8)

Thí dụ:

Tối đến mèo hay leo chèo.

1. Tối đến mèo hay leo trèo

2.

3.

4.

.....

9.

III- Điền vào chỗ trống. (10 điểm).

Chọn 4 hay 5 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ:

leo trèo, thiu, nhỏ, meo meo.

Con Mèo Nhà Em

Con mèo nhà em còn Nó thiu ngủ cả ngày. Tối đến nó hay Lũ chuột rất sợ mỗi khi nghe mèo kêu

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Đặt câu (9 điểm).

Chọn 3 từ để cho các em đặt một câu ngắn với những từ ấy.
(Chọn các từ trong bài số 1 đến 8)

Thí dụ:

- Đi chợ.

Hôm nay, em theo mẹ **đi chợ** mua trái cây.

1-

.....

2-

.....

3-

.....

VI- Địa lí (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên
..... Sinh ra trăm trứng.
Ởn trời cho nở,
Trăm con sỡn sỡ.
Năm mươi con thơ,
Theo mẹ lên non

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

PHIẾU ĐIỂM THI GIỮA KHÓA _____

Cấp lớp: _____

Họ và tên học sinh: _____

Thầy cô phụ trách: _____

- Tập đọc : _____ điểm.
- Tập viết : _____ điểm.
- Chính tả : _____ điểm.
- Học thuộc lòng : _____ điểm.
- Việt sử : _____ điểm.
- Địa lí : _____ điểm.
- Bài làm trong lớp : _____ điểm.
- Bài làm ở nhà : _____ điểm.

- Số lần đi trễ : _____ lần.
- Số ngày vắng mặt : _____ ngày.

- Hạnh kiểm : _____

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....
.....
.....
.....

Ý kiến phụ huynh :

.....
.....
.....

Phụ huynh kí tên : _____

BÀI CHÍN

- Vần:**

op	ôp	ơp
<i>o-pờ-op</i>	<i>ô-pờ-ôp</i>	<i>ơ-pờ-ơp</i>



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ (tiếng) Phụ âm / Vần
o + p = op	cái bóp (<i>cờ-ai-cai-sắc-cái bờ-op-bop-sắc-bóp</i>)
ô + p = ôp	nộp đơn (<i>nờ-ôp-nộp-nặng-nộp đờ-on-đơn</i>)
ơ + p = ơp	lớp hai (<i>lờ-ơp-lớp-sắc-lớp hờ-ai-hai</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

cái bóp - nộp đơn

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p style="text-align: center;">ái óp</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Mẹ cho bé _____</p>	<p style="text-align: center;">ộp ọc</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Em _____ xin học</p>
--	--

• Em ráp vần.

đ + ôp		đớp <i>(đờ-ôp-đớp-sắc-đớp)</i>	độp <i>(đờ-ôp-độp-nặng-độp)</i>
h		hớp	hộp
l		lớp	lộp
x		xớp	xộp

h + ơp		hớp <i>(hờ-ơp-hớp-sắc-hớp)</i>	hợp <i>(hờ-ơp-hợp-nặng-hợp)</i>
l		lớp	lộp
n		nớp	nộp
ch		chớp	chộp

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ba leo lên chớp núi. Xe bác bị bể lớp . Bạn Sơn học lớp bốn hội hợp ngộp thờ sấm chớp ...



• Tập đọc.

Sấm Chớp

Hôm qua trời mưa lớn, có sấm chớp. Em ngồi ở lớp học nghe mưa rơi lộp độp trên mái ngói. Gió thổi mạnh, mái ngói bị **đột**. Vài lớp phải dời qua phòng khác.

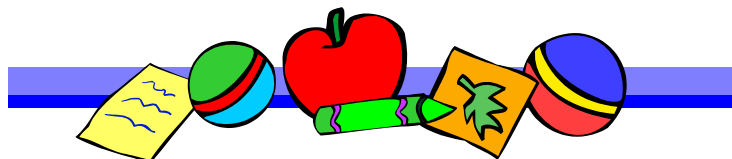
Ngoài kia, một con chim non thở thoi thóp dưới mưa.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **op, ôp, ơp** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **op, ôp, ơp** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Em đơn xin học.
Em sẽ học bốn.
Mẹ cho bé cái
Ba leo lên núi.
Xe bác bị bể



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Hôm qua <i>chời</i> mưa lớn. Mưa rơi <i>lọp đọp</i> trên mái nhà. Mái ngói bị <i>giột</i> . Chim non thở thoi <i>thóp</i>

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Sấm Chớp" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Lớp Bốn

Em đang học lớp bốn.
Cô giáo em từ tốn.
Dạy chúng em học bài.
Cho làm bài tại lớp.
Em gắng mau kịp *nộp*.
Giờ góp bài đến nơi.

- **Giải nghĩa.**

- *Dột*: Bị nước chảy vào nhà qua lỗ thủng hoặc kẽ hở trên mái nhà. - *Nộp*: Đưa cho. - *Thoi thóp*: Thở rất yếu biểu hiệu sắp chết.

Góp gió thành bão.

BÀI MƯỜI

- Vần:**

ot	ôt	ơt
<i>o-tờ-ot</i>	<i>ô-tờ-ôt</i>	<i>ơ-tờ-ơt</i>



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + t = ot	gót chân (<i>gờ-ot-got-sắc-gót chờ-ân-chân</i>)
ô + t = ôôt	bạn tốt (<i>bờ-an-ban-nặng-bạn tờ-ôt-tôt-sắc-tốt</i>)
ơ + t = ơt	hớt tóc (<i>hờ-ơt-hốt-sắc-hớt tờ-oc-toc-sắc-tóc</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ có vần dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

bạn tốt - hớt tóc

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p style="text-align: center;">ơn ốt</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Sơn là _____</p>	<p style="text-align: center;">ốt óc</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Bố _____ cho em.</p>
---	--

• Em ráp vần.

g + ot		gót	gọt
		<i>(gờ-ot-sắc-gót)</i>	<i>(gờ-ot-got-nặng-gọt)</i>
v		vót	vọt
ch		chót	chọt
ng		ngót	ngọt

c + ôt		cốt	cột
		<i>(cờ-ôt-côt-sắc-cốt)</i>	<i>(cờ-ôt-cột-nặng-cột)</i>
h		hốt	hột
ch		chốt	chột
nh		nhốt	nhột

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Gót chân bé đỏ hồng. Cô bạn em rất tốt. Mùa thu lá thưa thớt.	... chim hót một đô la cái vọt ...



• **Tập đọc.**

Vườn Sau

Vườn sau có chim hót.
Chót vót trên ngọn cây.
 Mấy cây cà *sai trái*.
 Khóm cà rất xinh thay!
 Và đây vài bụi ớt.
 Trái chín đỏ xum xuê.
 Mỗi khi tan học về.
 Em ra vườn chăm sóc.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ot, ôt, ơt** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ot, ôt, ơt** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cô bạn em rất
Sơn là bạn
Mùa thu lá thưa
Bố tóc cho Tâm.
..... chân bé đỏ hồng.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Vườn sau có <i>trim</i> hót. Khóm cà rốt <i>sinh</i> thay! Và đây <i>dài</i> bụi <i>ốt</i> . Em ra vườn <i>trăm xóc</i> . Mấy hàng cà <i>xai chái</i>

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Vườn Sau" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Trời Thu

Trời thu mây xám lợt.
Từng đợt gió rì rào.
Lá vàng bay xào xạc.
Lác đác giọt mưa sa.
Một cánh chim chợt qua.
Trong bầu trời ử dột.

- **Giải nghĩa.**

- **Chót vót:** Cao vút, vượt khỏi mọi vật. - **Sai trái:** Có nhiều trái. - **Xám lợt:** (xám nhạt) Màu sắc xám nhờ nhờ. - **Rì rào:** Âm thanh êm nhẹ phát ra đều đều liên tiếp. - **Xào xạc:** Tiếng lá cây va chạm vào nhau. - **Mưa sa:** Mưa rơi. - **Chợt qua:** Vụt bay ngang thành linh. - **Ử dột:** Âm u, ảm đạm gây cảnh tượng buồn chán.

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

BÀI MƯỜI MỘT

- **Vần:** **ua** **ưa** **uc** **ức**
Phát âm: *u-a-ua* *ư-a-ưa* *u-cờ-uc* *ư-cờ-ức*


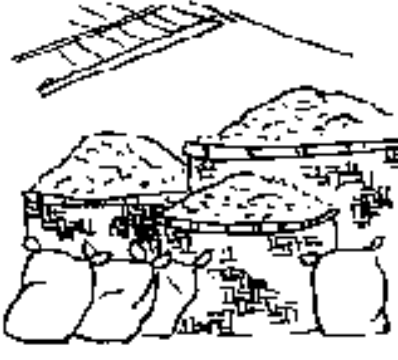
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + a = ua	lúa gạo (<i>lờ-ua-lua-sắc-lúa gờ-ao-gao-nặng-gạo</i>)
ư + a = ưa	cây dừa (<i>cờ-ây-cây dờ-ưa-dừa-huyền-dừa</i>)
u + c = uc	hoa cúc (<i>hờ-oa-hoa cờ-uc-cuc-sắc-cúc</i>)
ư + c = ức	thức ăn (<i>thờ-ức-thức-sắc-thức á-nờ-ăn</i>)

- **Bài tập.**

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

Cây dừa - Lúa gạo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ừa ật</p>  <p>_____ thật cao.</p>	<p>úa ày</p>  <p>_____ đầy kho.</p>
---	---

• Em ráp vần.

b + ư		ư	b + ư	b + ư
			b + ư	b + ư
			<i>(bờ-ư</i>	<i>(bờ-ư</i>
			<i>-huyền</i>	<i>-bờ</i>
s	—	ư	sử	sữ
ch	—		chử	chữ
ng	—		ngử	ngữ

đ + ư		ư	đ + ư	đ + ư
			đ + ư	đ + ư
			<i>(đờ-ư</i>	<i>(đờ-ư</i>
			<i>-sắc</i>	<i>-đờ</i>
m	—	ư	mử	mữ
ph	—		phử	phữ
tr	—		trử	trữ

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Em bé sợ con cu con rùa ...
Má đ em đi học.	... dưa hấu ...
Hoa c nở thơm ph thể dục ...
Phải làm hết sức l thức ăn ...



• Tập đọc.

Phải Gắng Sức

Học hành phải gắng sức.
 Dừng phí sức đi chơi.
 Khi thời gian qua rồi.
 Khó lòng mua chuộc lại.
 Hãy nhớ tấm gương xưa.
 Thỏ mà chạy thua rùa.
 Vì thỏ không gắng sức.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ua, ưa, uc** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ua, ưa, uc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Phải làm hết lực.
Cây thật cao.
Bé sợ con
. gạo đầy kho.
Hoa . . . nở thơm phức.

- Việt sử.

Bánh Chưng Bánh Dày *

Vua Hùng thứ sáu.
Con cháu thật nhiều.
Con út Tiết Liêu,
Trọng điều *nhân nghĩa*.
Nhân mùa Tết đến,
Làm bánh dâng vua.

(xem tiếp trang 66)

- Bài hát.

Em Yêu Ai ?

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?
Thì em rằng: Yêu Quê Hương nè.
Thì em rằng: Yêu mái trường nè.
Yêu Thầy, yêu Cô, yêu hết cả trường....
Nhưng nhất là Cô giáo cơ!

Hùng Lĩnh

- Giải nghĩa.

- *Nhân nghĩa*: Lòng thương người và yêu chuộng lẽ phải.

Có đức mặc sức mà ăn.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI MƯỜI HAI

Ôn bài chín.

- Tập đọc có vần:

op	ôp	ơp
Cọp ở chóp núi thoi thóp. Cả xóm tập họp bắt cọp.	Nhà hộp ngộ thờ. Lốp xe nổ bốp. Mưa rơi lộp độp.	Cả lớp khớp sợ sấm chớp. Cả xóm lộp nhà bác Hợp.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **op** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôp** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơp** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

cọp sở thú:

sấm chớp:

lốp xe:

Ôn bài mười.

• Tập đọc có vần:

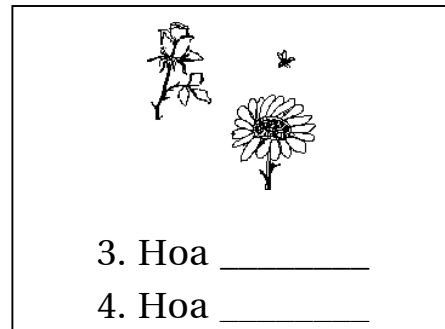
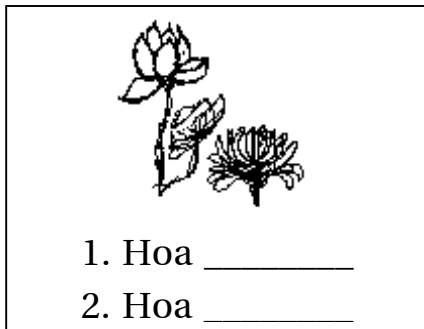
ot	ôt	ơt
Mẹ gọt cam ngọt trái chót. Chót vót đọt cây chim hót thánh thót.	Bột là bạn tốt bị sốt đọt ngọt. Tâm nhai cà rốt sốt sốt.	Hái bớt ớt chín từng đọt. Chợt nghe một đọt bão rớt vừa ngớt.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ot** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôt** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơt** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố:

1. Hoa gì sống cạnh bùn nhơ?
2. Hoa gì báo hiệu đến giờ thu sang?
3. Hoa gì theo ánh mặt trời?
4. Hoa gì tươi đẹp đồng thời lắm gai?



Ôn bài mười một.

- Tập đọc có vần:

ua	ưa	uc	ưc
Chó sủa đùa giỡn con cua con rùa. Ông vua già nua đi chừa.	Ngày mưa bé ưa ngủ trưa. Cây dừa vừa mọc lá dừa lừa thưa.	Bà Phúc mua chực chậu cúc. Cô Trúc lục đục cửa khúc củ mực.	Gặp việc phiền phức nhức đầu. Trời hè nóng bức bực bội hết sức.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ua** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưa** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu.

chó sủa :

trái dừa :

chậu cúc :

hết sức :

- **Tập đọc - Chính tả.**

Đàn Chim Việt

Còn một tuần lễ nữa thì vừa hết khóa học.

Các em chăm chỉ đến lớp. Dua chen với bạn bè tập đọc, tập viết và nói tiếng mẹ đẻ. Ríu rít như chim, các em là nguồn vui, hạnh phúc của mẹ cha. Thầy cô chia sẻ niềm vui *cao quý* này.

Hẹn ngày gặp lại đàn chim Việt mến yêu.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ơp, ôt.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ua, ưa, uc.**

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- **Địa lí.**

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam có hai vùng khí hậu khác nhau:

Một nửa nước về phía Bắc có bốn mùa là Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Còn nửa nước về phía Nam có hai mùa rõ rệt là mùa nắng và mùa mưa.

- **Giải nghĩa.**

- *Cao quý: Có giá trị và ý nghĩa lớn lao, đáng quý trọng.*

Của rẻ rẻ không bằng một nghề trong tay.

BÀI MƯỜI BA

- Vần:**

ui	ưi	uy
<i>Phát âm:</i>	<i>u-i-ui</i>	<i>ư-i-ưi</i>
	<i>u-i-uy</i>	<i>u-i-cờ-rét-uy</i>



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + i = ui	ủi áo <i>(u-i-ui-hỏi-ủi a-o-ao-sắc-áo)</i>
ư + i = ưi	gửi thư <i>(gờ-ưi-gửi-hỏi-gửi thờ-ư-thư)</i>
u + y = uy	khuy áo <i>(khờ-uy-khuy a-o-ao-sắc-áo)</i>

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

gửi thư - ủi áo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ủi áo</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Má _____ quần.</p>	<p>ửi ác</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Tâm _____ cho bác.</p>
---	--

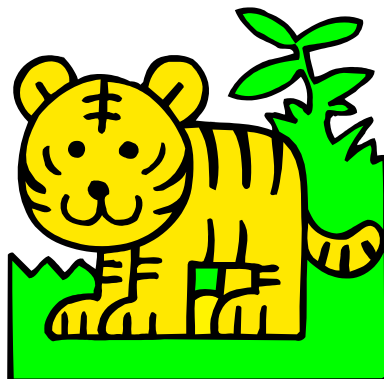
• Em ráp vần.

c + ui		cúi	củi
		<i>(cờ-ui-cui-sắc-cúi)</i>	<i>(cờ-ui-cui-hỏi-củi)</i>
m		mùi	mũi
ch		chui	chùi
th		thui	thúi

h + uy		huy	hủy
		<i>(hờ-uy-huy)</i>	<i>(hờ-uy-huy-hỏi-hủy)</i>
t		tùy	tủy
kh		khuy	khụy
th		thúy	thủy

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Em bỏ kẹo vào túi. Ba em đi gửi thư. Quê ta có lũy tre.	... lau chùi gửi mùi thùy mị ...



- Tập đọc.

Má Em

Tuy bận đi làm, má em vẫn vui vẻ, *cặm cụi* lau chùi bàn ghế, nhà cửa. Má giặt ủi quần áo. Trên bàn thờ má bày hoa thủy tiên, hoa cúc. Vào nhà em ngửi thấy mùi thơm *sực nức*.

- Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ui, ưi, uy** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ui, ưi, uy** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Quê ta có tre.
Tâm thư cho bác.
Ba em đi thư.
Má em áo quần.
Em bỏ kẹo vào
Má em lau. nhà cửa.



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Má <i>dặt</i> ủi quần áo.
Má bày hoa <i>thúi</i> tiên.
Má em <i>dui dẻ</i> làm việc.
Em ngửi thấy <i>muồi thôm</i>

• **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Má Em" cho các em viết chính tả.

• **Học thuộc lòng.**

Gửi Thư

Tuy ở xa quê nhà,
Ba luôn gửi thư qua,
Thăm nội ngoại ông bà.
Mỗi lần được thư lại,
Ba má mừng ***thiết tha***.
Cả nhà đều mạnh giỏi,
An vui và ***thuận hòa***.

• **Giải nghĩa.**

- ***Cặm cùi***: Chăm chú làm việc gì. - ***Sực nức***: Xông lên rất mạnh và tỏa ra khắp nơi.
- ***Thiết tha***: Có tình cảm sâu sắc, gắn bó. - ***Thuận hòa***: Êm ấm, không cãi cọ.

Miệng ăn núi lở.

BÀI MƯỜI BỐN

- Vần:**

um	un	uê
<i>Phát âm: u-mờ-um</i>	<i>u-nờ-un</i>	<i>u-ê-uê</i>


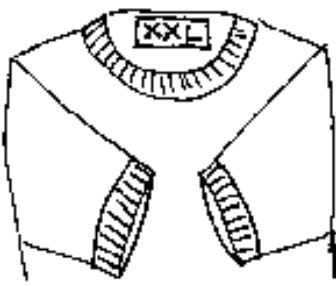
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + m = um	tôm hùm <i>(tờ-ôm-tôm hờ-um-hum-huyền-hùm)</i>
u + n = un	áo thun <i>(a-o-ao-sắc-áo thờ-un-thun)</i>
u + ê = uê	thuê xe <i>(thờ-uê-thuê xờ-e-xe)</i>

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

Áo thun - tôm hùm

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ớt ùm</p>  <p>Vớt con _____.</p>	<p>un ớn</p>  <p>_____ cỡ lớn.</p>
--	--

• Em ráp vần.

b + un		bún	bủn
		<i>(bờ-un-bun-sắc-bún)</i>	<i>(bờ-un-bun-hỏi-bủn)</i>
l		lún	lủn
r		run	rủn
nh		nhún	nhủn

h + uê		huề	huệ
		<i>(hờ-uê-huê-huyền-huề)</i>	<i>(hờ-uê-huê-nặng-huệ)</i>
t		tuế	tuệ
x		xuề	xuể
th		thuê	thuế

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bà cho em chùm nho. Bà ăn bún bò Huế. Ba thuê xe Huế Kỳ.	... lùm cây run sợ thuê nhà ...



• **Tập đọc.**

Chú Lùn

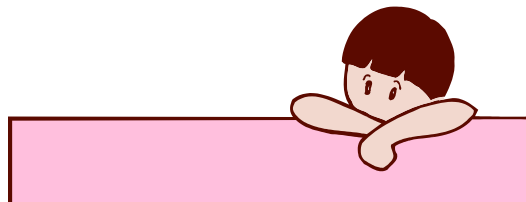
Ở quê em có chú lùn. Chú cầm con dao cùn đi vào bụi rậm *um tùm* để đốn củi đun bếp. Rủi ro chú dẫm vào bùn, bị lún. Chú kêu cứu *um sùm*.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **um, un, uê** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **um, un, uê** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Áo cỡ lớn.
Bà cho em nho.
Vớt con tôm
Ba xe hơi.
Bà ăn bò Huế.
Chú bị lún bùn.



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Chú <i>lùng</i> ở quê em.
Chú có <i>giao</i> cùn đốn củi.
Chú lùn bị <i>lúng</i>
Chú kêu <i>kứu</i> om sòm.
Chú đốn củi <i>đung</i> bếp.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Chú Lùn" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Ở Quê

Bà em sống ở quê.
 Có cây cối *xum xuê*.
 Hoa lan và hoa huệ.
 Bốn mùa tươi sắc khoe.
 Bà vun trồng rau quế.
 Rau diếp mọc um tùm.
 Bí và bầu xanh mướt.
 Thăm vườn em rất mê.

- **Giải nghĩa.**

- *Um tùm*: Rậm rạp, sum sê. - *Um sùm*: Om sòm. - *Xum Xuê*: Có nhiều cành lá rậm rạp, tươi tốt.

Làm phúc được phúc.

BÀI MƯỜI LĂM

- Vần:**

up	ut	ưt
<i>u-pờ-up</i>	<i>u-tờ-ut</i>	<i>ư-tờ-ưt</i>



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + p = up	chụp ảnh <i>(chờ-up-chụp-nặng-chụp a-nhờ-anh-hỏi-ảnh)</i>
u + t = ut	hút bụi <i>(hờ-ut-hut-sắc-hút bờ-ui-bui-nặng-bụi)</i>
ư + t = ưt	đứt tay <i>(đờ-ưt-đứt-sắc-đứt tờ-ay-tay)</i>

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

Búp sen - bút chì

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p style="text-align: center;">ot úp</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Dì Út gọt _____</p>	<p style="text-align: center;">úp ày</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">_____ đầy hồ.</p>
--	---

• Em ráp vần.

b + up		búp <i>(bờ-up-búp-sắc-búp)</i>	bụp <i>(bờ-up-búp-nặng-bụp)</i>
c		cúp	cụp
x		xúp	xụp
ng		ngúp	ngụp

s + ứt		sứt <i>(sờ-ứt-sứt-sắc-sứt)</i>	sựt <i>(sờ-ứt-sứt-nặng-sựt)</i>
b		bứt	bựt
n		nứt	
ph		phứt	phựt

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ao nhà có búp sen. Chú Tư hút bụi xe. Tủ gỗ bị nứt nẻ.	... túp lều bút chì kẹo mút ...



• **Tập đọc.**

Đi Cắm Trại

Chủ Nhật vừa qua, lớp em đi cắm trại. Chúng em nô nức trèo lên ngọn đồi xa *hun hút*. Lớp em dựng được bốn túp lều *lụp xụp*.

Chị Mai đốn củi đun bếp bị đứt tay. Các bạn vui vẻ phụ nấu ăn. Tuy xa nhà nhưng em không cảm thấy thiếu hụt gì cả. Bữa ăn trưa ở trại thật là *thú vị*.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **up, ut, ưt** của bài trên.

- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **up, ut, ưt** vừa tìm.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....
.....
.....
.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Ao nhà có sen.
. sen đầy hồ.
Chú Tư bụi xe.
Dì Út gọt chì.
Tủ gỗ bị nẻ.

- Việt sử.

Bánh Chưng Bánh Dày *

Bánh vuông hình đất,
Vua gọi bánh chưng.
Bánh tròn hình trời,
Vua gọi bánh dày.
Bày tỏ lòng ngay.
Công ơn tiên tổ,
Ví như đất trời.

- Bài hát.

Thằng Cuội

Bóng trăng trắng ngà.
Có cây đa to.
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ.
Lặng yên ta nói Cuội nghe:
"Ở cung trăng mãi làm chi".
Bóng trăng trắng ngà.
Có cây đa to.
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ.

Lê Thương

- Giải nghĩa:

- **Hun hút:** Thật dài và sâu. - **Lục xục:** Thấp bé, tồi tàn và xấu xí. - **Thú vị:** Làm cho ta vui thích.

Tay đứt, ruột xót.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI MƯỜI SÁU

Ôn bài mười ba.

- Tập đọc có vần:

ui	ưi	uy
Bé Vui, Bác Mùi gặp xui ăn múi cam thúi. Khúc củi đen thui.	Đi thưa về gửi. Tai nghe mũi ngửi. Khung cửi dệt vải.	Bé Thùy tuy nhỏ đã quỳ quy y. Bác Duy say sưa túy lúy.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ui** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uy** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Em trả lời câu hỏi theo bài ôn ở trên:

1- Bác Mùi gặp xui như thế nào ?

.....

2- Củi đốt thành than có màu gì ?

.....

3- Cam hư nhũn, gọi là cam gì ?

.....

4- Say lúy túy nghĩa là gì ?

.....

Ôn bài mười bốn.

• Tập đọc có vần:

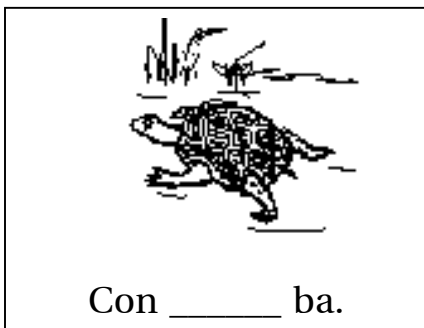
um	un	uê
Chụm chân nhảy chũm ùm ùm sụm tay. Lùm cây tùm lại um tùm.	Mèo mun ăn bún lẫn thun bủn rủn. Đất lún mềm nhũn như bùn.	Bác Huê về quê mua huệ rau quế. Thuê xe ở Huế có thuế.

• Bài tập.

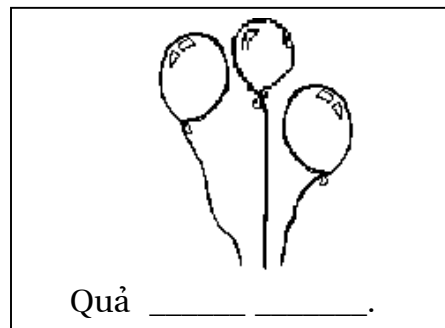
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **um** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **un** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uê** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố.

1. Con gì hai số giống nhau,
 Cộg thì được chẵn,
 trừ thì bằng không.
 Đố là con gì ?



2. Quả gì không ở cây nào,
 Không chân, không cánh,
 bay cao, chạy dài.
 Đố là quả gì ?



Ôn bài mười lăm.

- Tập đọc có vần:

up	ut	ưt
Túp lều lụp xụp sấp sụp. Úp lại chụp đèn búp sen.	Chú Út thậm thụt chăm chút chim cú. Lũ lụt giảm sút chút ít.	Vứt đi chén nứt, sứt mẻ. Cắt đứt đứt tay. Nóng bức bứt rứt.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **up** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ut** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưt** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Em trả lời câu hỏi theo bài ôn ở trên:

1- Con út là người con nhỏ tuổi hay lớn tuổi nhất trong nhà ?

.....

2- Chén nứt có cùng nghĩa với bát nứt không ?

.....

3- Lụp xụp có nghĩa là to cao hay thấp nhỏ ?

.....

4- Bứt rứt có nghĩa là dễ chịu thoải mái ?

.....

- Tập đọc - Chính tả.

Tiếng Việt Mến Yêu

Lớn lên ở Mỹ, em vẫn yêu tiếng Việt.

Này nhé! Tiếng mẹ ru em từ lúc nằm nôi. Ông bà, anh chị *âu yếm* chào đón em sinh ra đời. Bao lời dạy dỗ ngọt ngào hòa với dòng sữa mẹ nuôi em khôn lớn.

Nay học lịch sử, em mới hiểu nguồn gốc của mình. Thật *hãnh diện* cho chúng em là con cháu vua Hùng, nước Văn Lang.

- Chính tả.

Thầy cô đọc bài "Tiếng Việt Mến Yêu" cho các em viết chính tả.

- Việt sử.

Học ôn bốn bài số: 3, 7, 11 và 15.

- Địa lí.

Học ôn ba bài số: 4, 8 và 12.

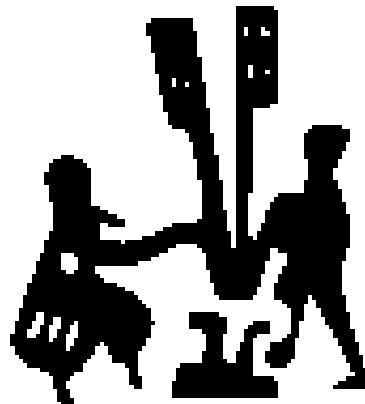
- Giải nghĩa.

- *Âu yếm*: Biểu lộ tình thương dịu dàng bằng cử chỉ, giọng nói. - *Hãnh diện*: Tự hào với cái mình cho là hơn người khác.

Tiền rừng, bạc bể.

• Đếm Số

21	hai mươi một	40	bốn mươi
22	hai mươi hai	50	năm mươi
23	hai mươi ba	60	sáu mươi
24	hai mươi bốn	70	bảy mươi
25	hai mươi lăm	80	tám mươi
26	hai mươi sáu	90	chín mươi
27	hai mươi bảy	100	một trăm
28	hai mươi tám		
29	hai mươi chín		
30	ba mươi		



BÀI THI MẪU CUỐI KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: ợp, ot, ui, uê . . .)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài.

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (8 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 8 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 9 đến bài 15)

Thí dụ:

Mấy cây cà chua *xai chái*.

1. Máy cây cà chua sai trái

2.

3.

4.

9.

III- Điền vào chỗ trống (10 điểm).

Chọn 4 hay 5 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ:

leo trèo, thiu, nhỏ, meo meo.

Con Mèo Nhà Em

Con mèo nhà em còn Nó thiu ngủ cả ngày. Tối đến nó hay Lũ chuột rất sợ mỗi khi nghe mèo kêu

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Đặt câu (10 điểm).

Chọn 3 từ để cho các em đặt một câu ngắn với những từ ấy.
(Chọn các từ trong bài số 9 đến 15)

Thí dụ:

- Áo thêu.

Ngày Tết, mẹ cho em mặc *áo thêu* rất đẹp.

1.

.....

2.

.....

3.

.....

VI- Địa lí (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên
..... Sinh ra trăm trứng.
Ổn trời cho nở,
Trăm con sồn sớ.
Năm mươi con thơ,
Theo mẹ lên non

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

PHIẾU ĐIỂM THI CUỐI KHÓA _____

Cấp lớp: _____

Họ và tên học sinh: _____

Thầy cô phụ trách: _____

- Tập đọc : _____ điểm.
- Tập viết : _____ điểm.
- Chính tả : _____ điểm.
- Học thuộc lòng : _____ điểm.
- Việt sử: _____ điểm.
- Địa lí : _____ điểm.
- Bài làm trong lớp : _____ điểm.
- Bài làm ở nhà : _____ điểm.

- Số lần đi trễ : _____ lần.
- Số ngày vắng mặt : _____ ngày.

- Hạnh kiểm : _____

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....
.....
.....
.....

Được lên lớp: có không

Ý kiến phụ huynh :

.....
.....
.....
.....

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 1

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Con Mèo".
2. Học thuộc lòng: "Mèo Kêu".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Con Mèo" điền vào chỗ trống:

Con _____ nhà em còn nhỏ. Nó thiu _____ ngủ cả ngày.
Có khi nó hay _____ _____. Lũ chuột rất sợ khi nghe
mèo _____ meo meo.

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Con Mèo" và bài học thuộc lòng "Mèo Kêu":

- | | |
|---------------------|---|
| - Chuột sợ khi nghe | <input type="checkbox"/> heo kêu ụt ịt. |
| | <input type="checkbox"/> gà gáy ò ó o ... |
| | <input type="checkbox"/> mèo kêu meo meo! |
| - Con heo kêu | <input type="checkbox"/> meo meo. |
| | <input type="checkbox"/> lú lo. |
| | <input type="checkbox"/> ụt ịt. |

- Chim hót ò, ó, o . . .
- meo meo.
- líu lo.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

con mèo

con heo

mặc áo thun



bé mếu máo

thiu thiu

ríu rít

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con mèo _____ cây.</p>	 <p>Áo thun có _____ số 16</p>
---	--

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **eo êu iu.**

Mếu máo

Cơm thiêu

Kẹo cao su

Trèo cao ngã đau

Mẹ chịu khó khâu áo

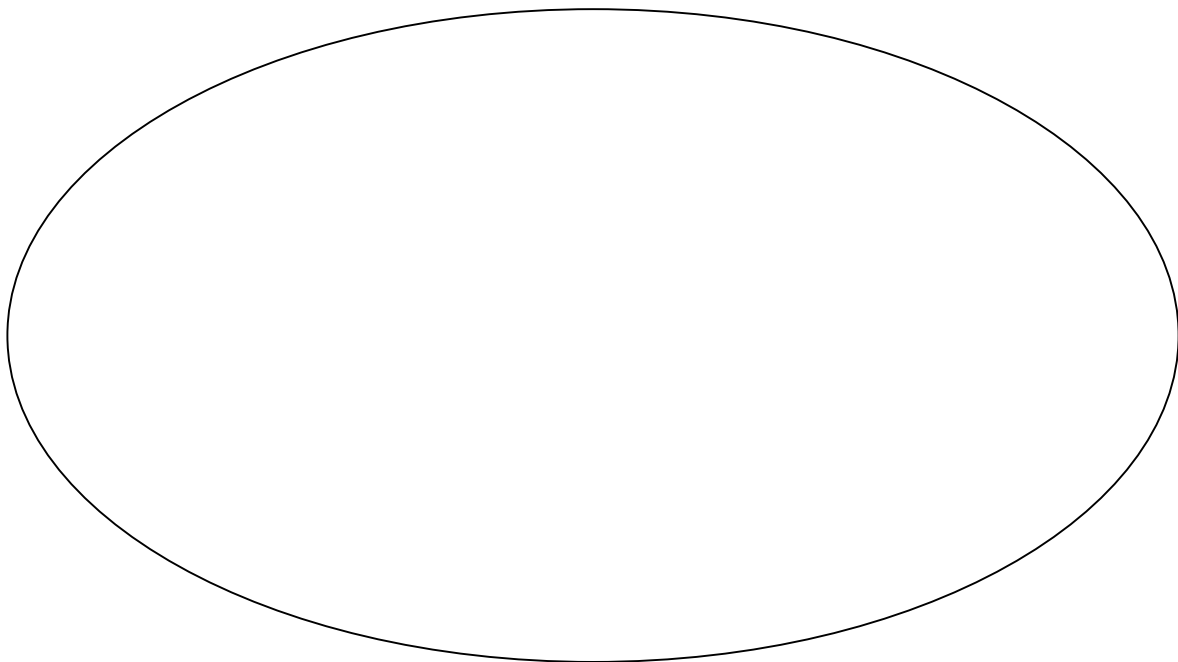
- **Viết chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Con Mèo".

Handwriting practice lines consisting of five sets of horizontal lines. Each set includes a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line.

- **Vẽ:**

Con mèo rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 2

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Về Quê Chơi".
2. Học thuộc lòng: "Còn Bé".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Về Quê Chơi" điền vào chỗ trống:

Ngày hè nghỉ , bé về quê thăm bà. Lần đầu bé thấy con Nó kêu kéc! kéc! nghe rất vui tai. Bé sợ thét khi thấy một con da xù xì nhẩy tới. Để đỡ bé nín, bà chỉ cho bé xem con sên bò trên cây gần đấy.

• **Chép lại câu trong bài.**

Theo bài học thuộc lòng "Còn Bé", em chép lại:

1. Một câu có vần OC

2. Một câu có vần EC

3. Một câu có vần ÔC

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới:

1. hay khóc Em còn bé



2. ở Nòng nọc dưới ao

3. con kéc học bài Em

4. bò Ốc sên rất chậm

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con _____ kêu kéc kéc.</p>	 <p>Nòng nọc sẽ là con _____</p>
---	--

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ec oc ôc.**

Con kéc

Tập đọc

Thợ mộc

Học trò chăm chỉ

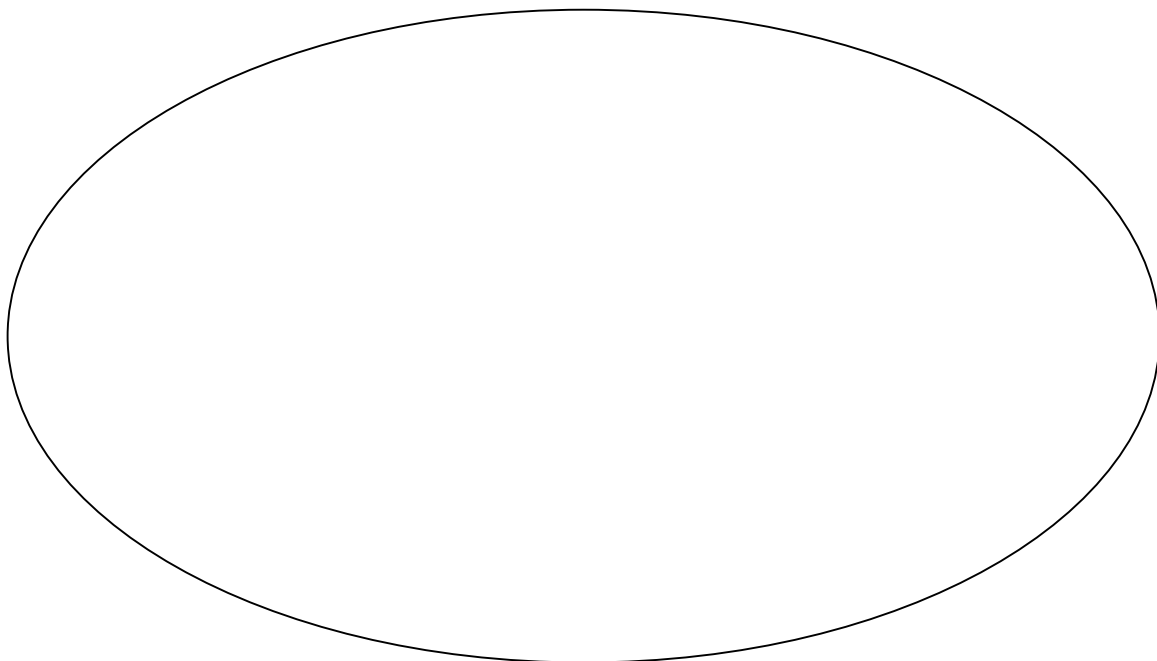
Chớ quên nguồn gốc

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Về Quê Chơi".

- **Vẽ:**

Con cóc rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 3

• Thâu băng cassette.

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bé Khỏe".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

• Điền vào chỗ trống.

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bé Khỏe" điền vào chỗ trống:

Bé rất Đôi mắt bé tròn Hai má như là
phấn hồng. Coi kìa ! Bé cười toét. Mẹ mền bé vì bé
ít khi nè.

• Chọn câu đúng nhất.

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bé Khỏe":

- | | |
|------------------|---------------------------------|
| - Bé khỏe thì mẹ | <input type="checkbox"/> cười. |
| | <input type="checkbox"/> lo sợ. |
| | <input type="checkbox"/> vui. |

- | | |
|------------------|------------------------------------|
| - Đôi mắt bé thì | <input type="checkbox"/> cười toe. |
| | <input type="checkbox"/> tròn xoe. |
| | <input type="checkbox"/> đỏ hoe. |

- Coi kìa! Miệng bé tròn xoe.
 thoa phấn.
 cười toe toét.


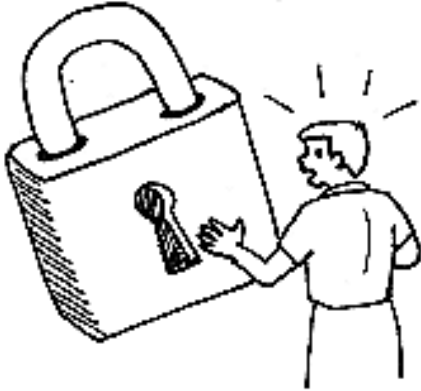
• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

mẹ khỏe
thoa phấn
kia kìa
ổ khóa
xòe tay

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Mẹ vui vì bé _____</p>	 <p>Ổ _____ to quá.</p>
---	---

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ia oa oe.**

Cây mía

Ổ khóa

Cá lia thia

Hoa đào đỏ

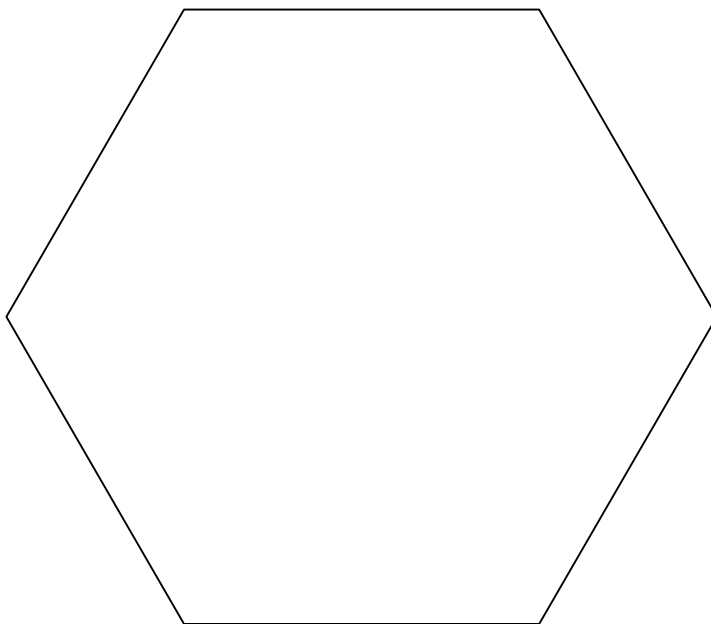
Mẹ khỏe bé khỏe

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Bé Khỏe".

- **Vẽ:**

Hoa hồng đỏ tía rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 4

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bé Khoa".
2. Tập đọc trong những cột có vần: **iu, ôc, oe.**

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bé Khoa" điền vào chỗ trống:

Bé Khoa mạnh và **bụ bẫm**. Khoa cha dạy chim kéc học nói. Nó lo như trẻ nhỏ. Chốc nó lại kêu kéc.

Vào nhà, khoe mẹ chim kéc được tiếng người.

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bé Khoa":

- Coi kìa, bé Khoa dạy kéc học nói.
 líu líu, lo lo.
 khỏe mạnh và **bụ bẫm**.
- Chim kéc lông đen.
 mỏ đỏ.

- Ba Khoa dạy lú lo.
- Khoa học nói.
- chim kéc học nói.
- học tiếng người.



• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

coi kìa
gió lốc
học theo
gieo hạt cam
eng éc

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con mèo _____ cây.</p>	 <p>Chân _____ cao nghều.</p>
---	---

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: eo oc iu oa ia ec.

Con mèo

Ốc sên

Nhỏ xíu

Bé Khoa tập đọc

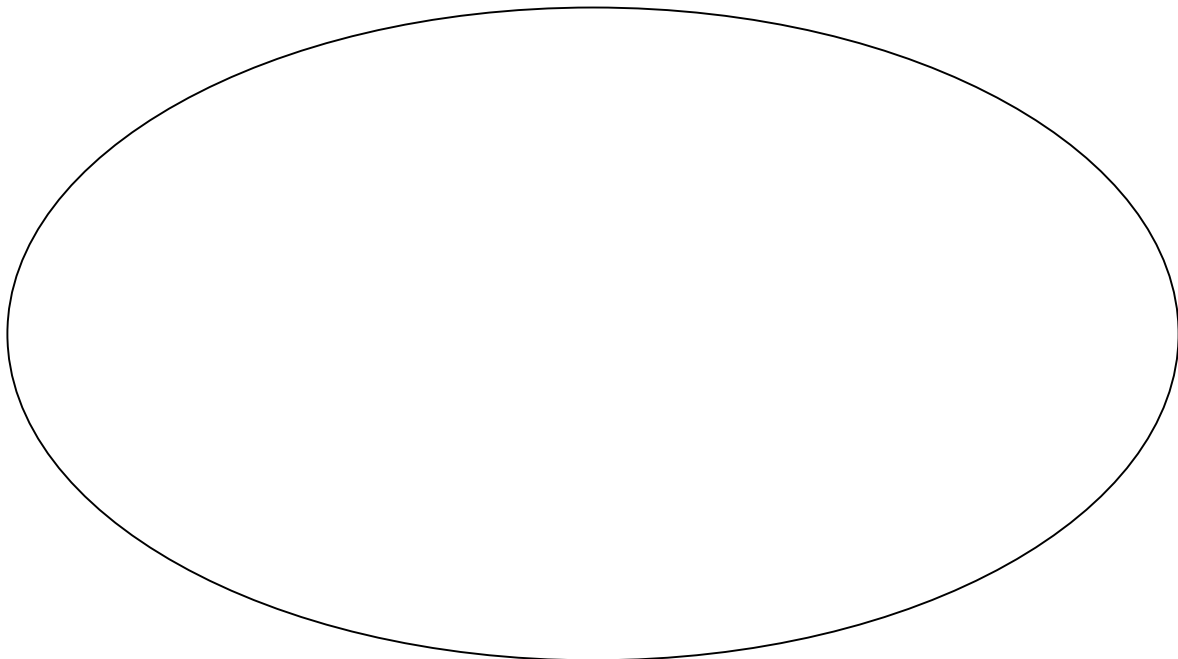
Kìa kéc kêu kéc kéc

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Bé Khoa".

- **Vẽ:**

Con heo rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 5

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Giờ Ra Chơi".
2. Học thuộc lòng: "Buổi Tối Ở Quê".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Giờ Ra Chơi" điền vào chỗ trống:

Tối giờ ra chơi, có học trò đây ở nơi này. Các em khác chạy đua la ở nơi kia. Mặt trời chiếu
. Mải vui đùa, ai nấy quên cả ngơi.

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng "Buổi Tối Ở Quê":

- | | | |
|---------------|--------------------------|---------------|
| - Dế kêu ran | <input type="checkbox"/> | trên đồi. |
| | <input type="checkbox"/> | khắp lối. |
| | <input type="checkbox"/> | khi trời tối. |
|
 | | |
| - Đom đóm bay | <input type="checkbox"/> | nơi tôi ngồi. |
| | <input type="checkbox"/> | khắp lối. |
| | <input type="checkbox"/> | lập lờ. |

- Nghe chó sủa nơi tôi ngồi.
- như gió thổi.
- nơi xa xa.

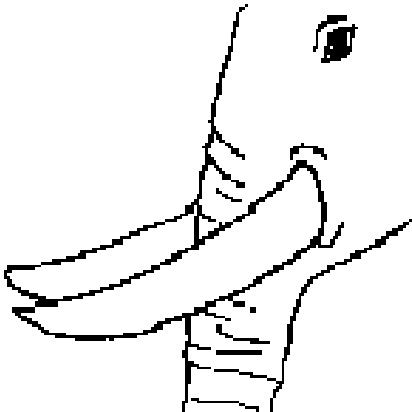
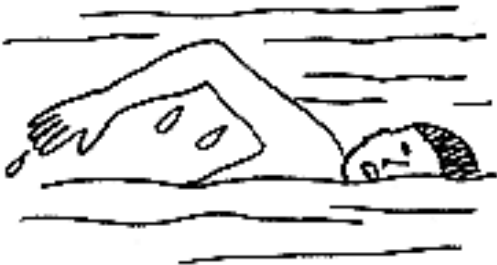
• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

học giỏi
con voi
tôi ngồi.
ăn xôi
đi chơi
Khôi bơi lội

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con _____ có ngà to.</p>	 <p>Khôi _____ _____ giỏi.</p>
---	--

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **oi ôi ơi.**

Bé đói

Ăn xôi

Nghỉ ngơi

Học giỏi có quà

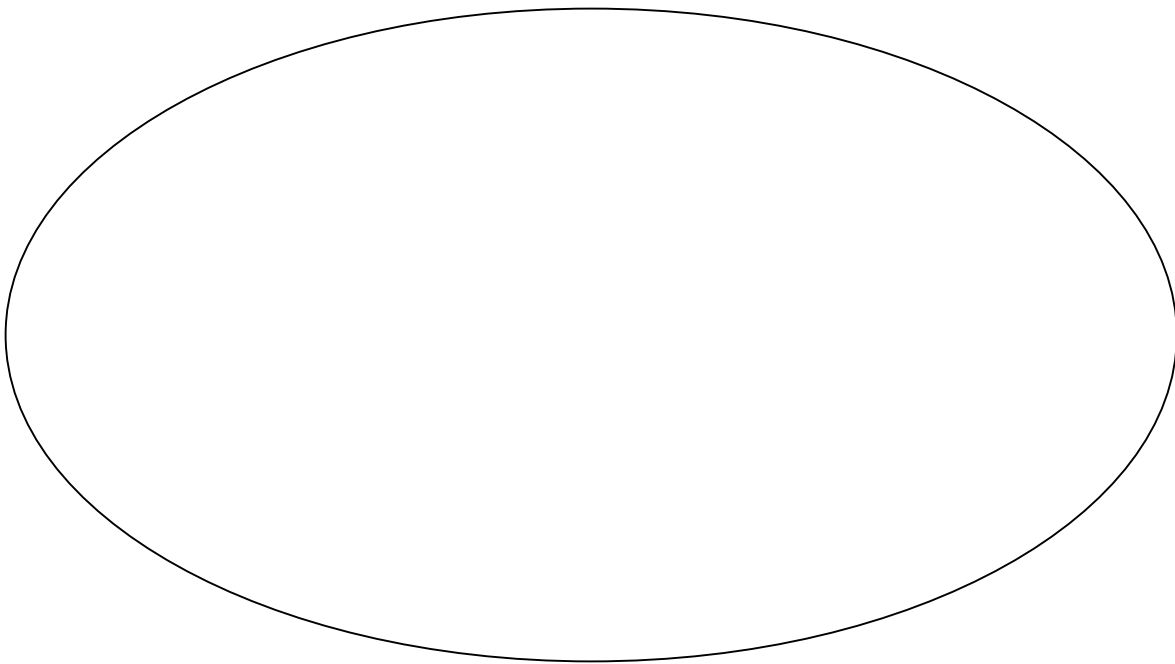
Tôi ngồi chơi trên đồi

- **Chính tả.**

Chép lại bài học thuộc lòng "Buổi Tối Ở Quê".

- **Vẽ:**

Con chó rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 6

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bà Bị Ốm".
2. Học thuộc lòng: "Ngày Mùa".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bà Bị Ốm" điền vào chỗ trống:

Hôm qua bà em bị Bà ăn rất ít. Sớm hôm mẹ ở nhà chăm và đưa bà đi bác sĩ. Em vui mừng bà khỏe trở lại.

- **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Cụ <i>dà</i> cúi lom khom.
Bát <i>kơm</i> nếp <i>deo</i>
Bé <i>trơi</i> om sòm.
Mẹ <i>trăm</i> nom bà.

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.



1. Hôm qua bị ốm bà

2. trái mít quá thơm Mẹ mua

3. thật sớm dậy Mẹ em

• **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ

 <p>Hôm qua bà bị _____ .</p>	 <p>Mẹ ân cần chăm _____ bà.</p>
--	--

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **om ôm ơm.**

Chăm nom

Tôm tép

Nấm rơm

Chim mẹ mớm mồi

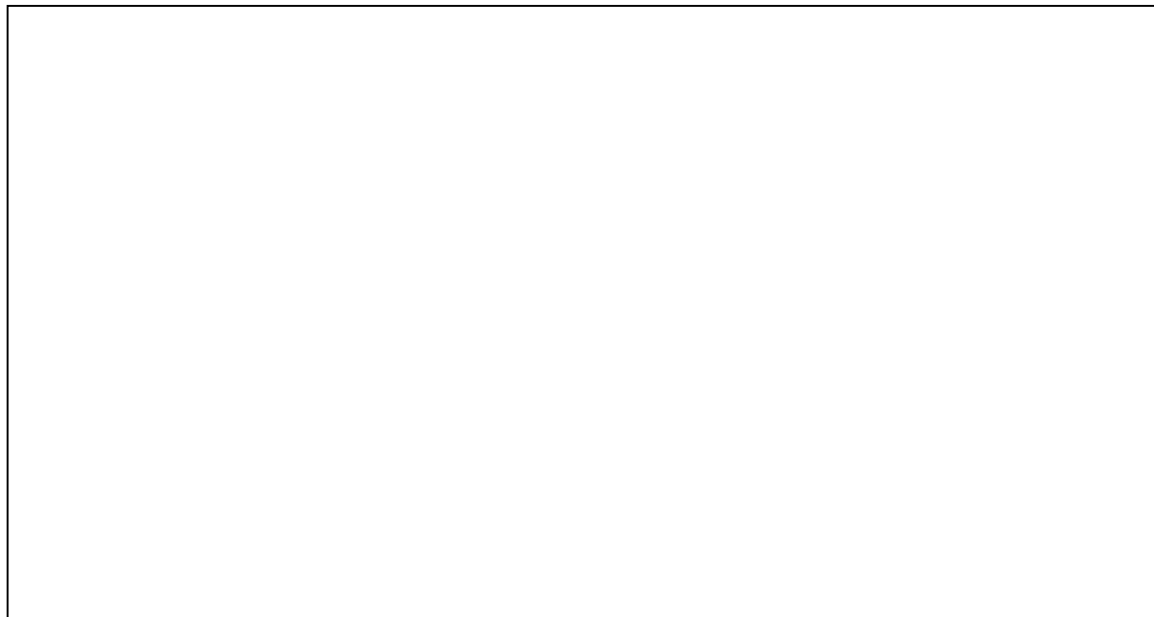
Sớm hôm mẹ chăm nom bà

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Bà Bị Ốm".

- **Vẽ:**

Bà em.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 7

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thày cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bàn Tay".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bàn Tay" điền vào chỗ trống:

Mỗi bàn tay đều có năm Ngón thì ngắn, thì dài. Ví như anh em một nhà, có người kẻ kém về tài năng. Nếu biết giúp đỡ và đoàn kết thì việc gì cũng xong. Anh em một nhà làm được như vậy mới là ngoan.

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bàn Tay":

- | | |
|--|--|
| - Bàn tay có ngón ngắn,
ngón dài ví như | <input type="checkbox"/> Bạn bè cùng xóm.
<input type="checkbox"/> anh em một nhà.
<input type="checkbox"/> bạn học cùng trường. |
| - Anh em biết đoàn kết thì | <input type="checkbox"/> không làm được việc.
<input type="checkbox"/> làm việc gì cũng xong.
<input type="checkbox"/> mọi việc đều dở dang. |

- Anh em một nhà khôn ngoan thì

- không đoàn kết lại.
- không giúp đỡ nhau.
- đoàn kết và giúp đỡ nhau.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

ngón tay cái.
con chồn
đội nón
cơm ngon
cao hơn

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con _____ có đuôi dài.</p>	 <p>Mai cao lớn _____ Tâm.</p>
---	--

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **on ôn ơn.**

Trộn gỏi

Đĩa lớn

Nho ngon

Thịt bò bảy món

Trái cam tròn hơn trái lê

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 8

• Thâu băng cassette.

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Mưa Lớn".
2. Tập đọc ôn trong cột có vần **oi ôi - ôm ơm - on ơn**.

• Điền vào chỗ trống.

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Mưa Lớn" điền vào chỗ trống:

Hôm nay trời mưa hơn mọi năm. Cả bầu tối .
. như ban đêm. Bắt đầu mưa rơi rồi
. như thác đổ. Trẻ sợ hãi sấm chớp.
Sau mưa, cây cối như tắm gội sạch sẽ. Khí trời mát
mẻ trở lại.

• Chọn câu đúng nhất.

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Mưa Lớn":

- Cả bầu trời tối om như ban ngày.
 ban đêm.
 nửa đêm.
- Trẻ con sợ hãi vì mưa to gió lớn.
 trời tối như ban đêm.
 sấm chớp chói lòa.

- Sau cơn mưa

- trời nóng bức.
- trời lại tối.
- trời mát trở lại.

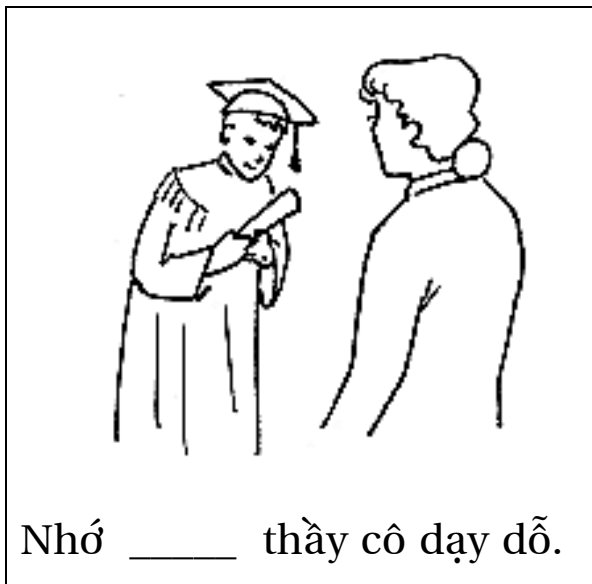
• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

trời mưa.
trời tối
con tôm
bơm xe đạp
nhớ ơn.

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **oi ôi ơ; om ôm ơm; on ôn.**

Sợi tóc

Trái thơm

Con tôm

Tập nói ôn tồn

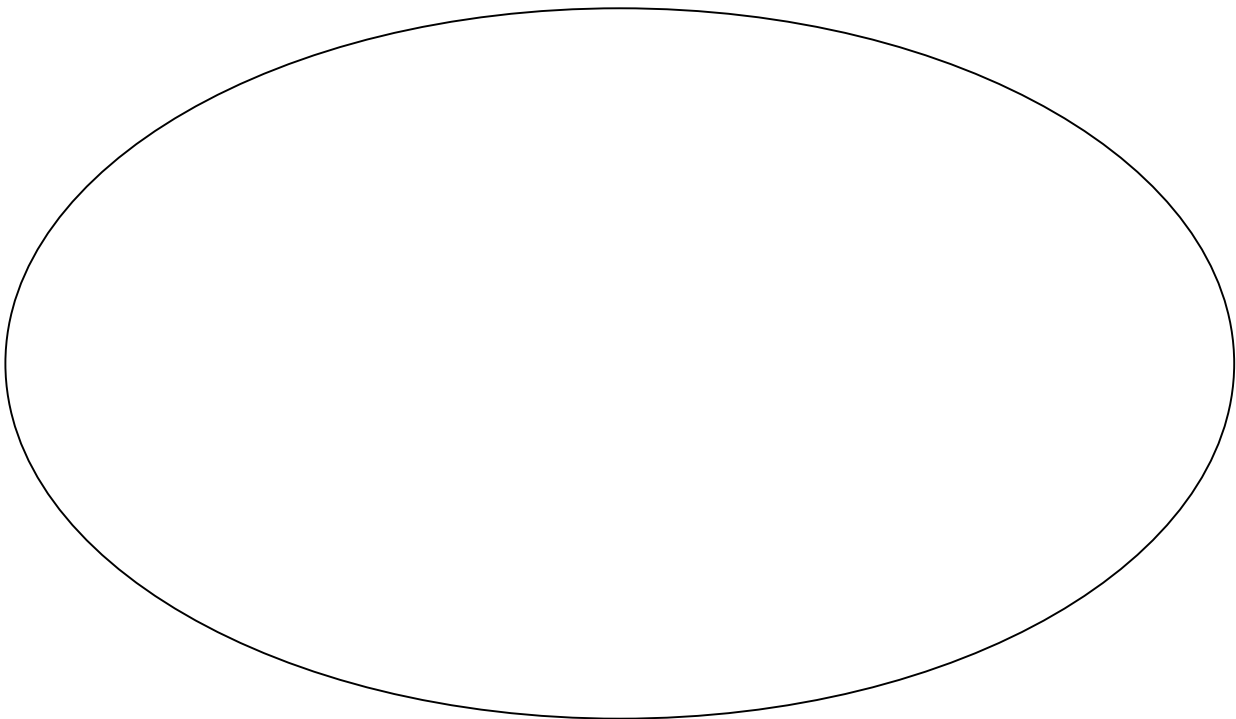
Hôm nay trời tối om

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Mưa Lớn".

- **Vẽ:**

Con tôm ròi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 9

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Sấm Chớp".
2. Học thuộc lòng: "Lớp Bốn".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Sấm Chớp" điền vào chỗ trống:

Trời mưa lớn, có sấm Ở lớp học, em nghe mưa rơi
. trên mái ngói. Mái ngói bị dột vì gió thổi quá
mạnh. Cho nên có vài học phải dời qua phòng khác.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Lớp Bốn":

- | | |
|---------------|-----------------------------------|
| - Em đang học | <input type="checkbox"/> lớp ba. |
| | <input type="checkbox"/> lớp bốn. |
| | <input type="checkbox"/> lớp năm. |

- | | |
|--------------|-----------------------------------|
| - Em làm bài | <input type="checkbox"/> tại lớp. |
| | <input type="checkbox"/> tại nhà. |
| | <input type="checkbox"/> tại chợ. |

- Em nộp bài làm cho

bạn em.

cha mẹ.

cô giáo.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

sấm chớp.

lộ độ.

bể lớp xe



lớp bốn.

góp bài.

con cọp

• **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

	
<p>Hai con _____</p>	<p>Xe ba bị xẹp _____</p>

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **op ôp ơp.**

Lớp học

Họp mặt

Nộp bài

Pháo nổ lớp bốp

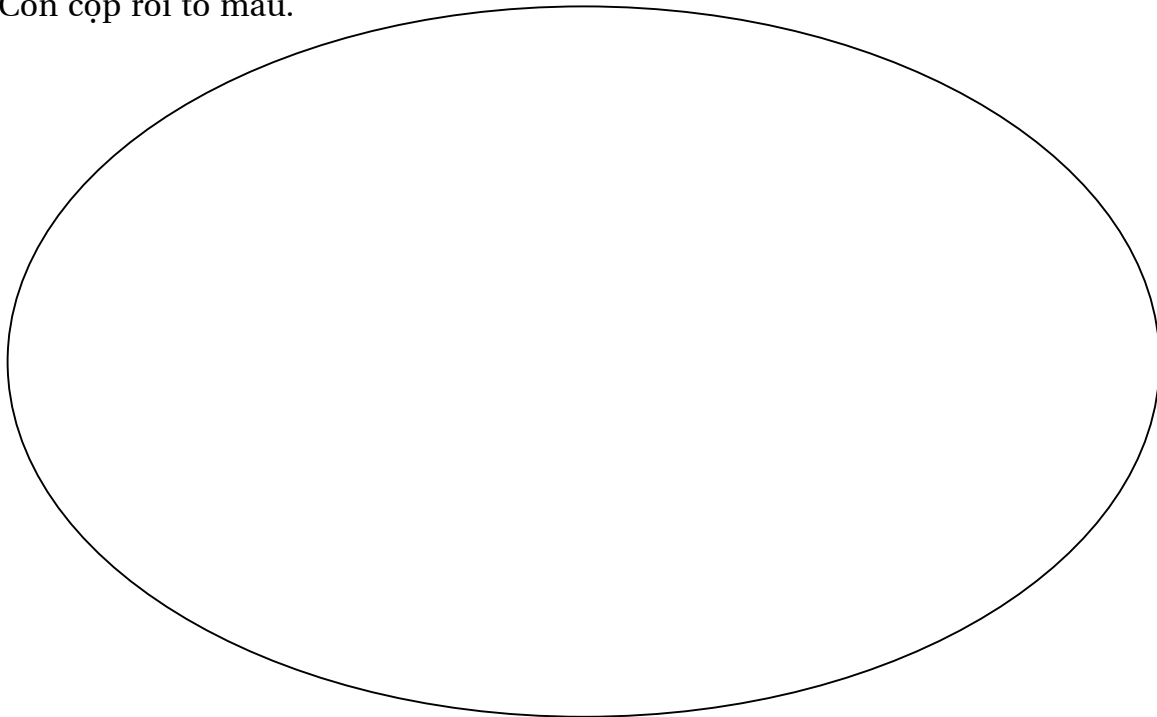
Sấm chớp trên trời

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Sấm Chớp".

- **Vẽ:**

Con cọp rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 10

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Vườn Sau".
2. Học thuộc lòng: "Bạn Tốt".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Vườn Sau" điền vào chỗ trống:

Vườn sau nhà em có chim hót trên ngọn cây.
 Có mấy dĩa cà sai trái. Kia kia khóm cà coi đẹp mắt.
 Và đây trái ớt chín đỏ thắm trên vài bụi xum xuê.
 Em chăm sóc vườn sau mỗi khi tan học về nhà.

- **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Vườn <i>xau</i> có <i>trim</i> hót.
Và đây <i>dài</i> bụi <i>ốc</i>
Gót <i>châng</i> bé đỏ <i>chóc</i>
Em <i>trơi</i> với bạn <i>tôt</i>
Ngọt bù cùng <i>tria</i> <i>xốt</i>

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.


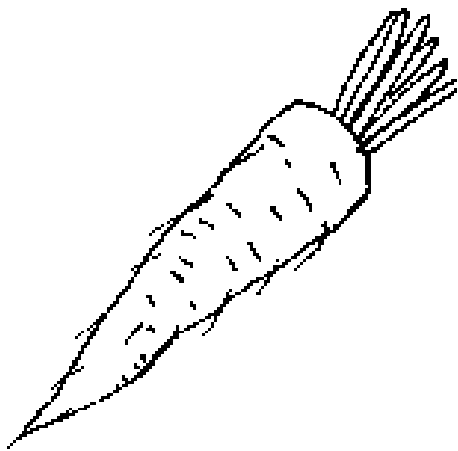
1.

2.

3.

• **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ

 <p>Chim hót thánh _____</p>	 <p>Củ cà _____ đỏ.</p>
---	---

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ot ôt ơt.**

Cây ớt

Bột gạo

Chim hót

Chùa một cột

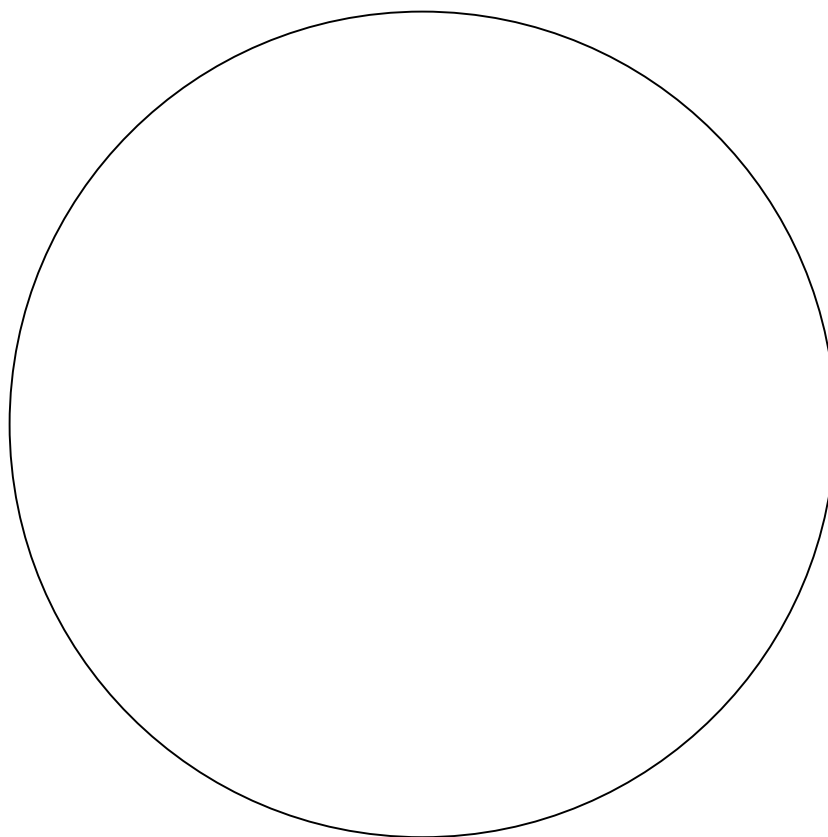
Hột ớt rất cay

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Vườn Sau".

- **Vẽ:**

Chim hót.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 11

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Phải Gắng Sức".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Phải Gắng Sức" điền vào chỗ trống:

Còn nhỏ tuổi, các em nên gắng học hành. Ngày qua đi rất mau. Khó lòng lại được thời gian đã mất. Vì vậy chớ có đua đòi, ham chơi phí cả lực. Hãy nhớ lại gương về thỏ và rùa. Thỏ chạy mau hơn rùa bò. Thế mà thỏ chạy thua vì thỏ không gắng

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Phải Gắng Sức":

- | | | |
|-----------------------|--------------------------|----------------------------|
| - Em là học sinh phải | <input type="checkbox"/> | ham chơi hơn học. |
| | <input type="checkbox"/> | chơi cho hết ngày tháng. |
| | <input type="checkbox"/> | chăm chỉ học và làm bài. |
| - Thời gian qua rồi | <input type="checkbox"/> | em mua lại dễ dàng. |
| | <input type="checkbox"/> | em đem bán đi. |
| | <input type="checkbox"/> | em không thể mua lại được. |

- Thỏ chạy thua rùa vì rùa bò chậm hơn thỏ.
- thỏ chạy lẹ hơn rùa.
- thỏ không gắng sức.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

cố sức.

thức dậy.


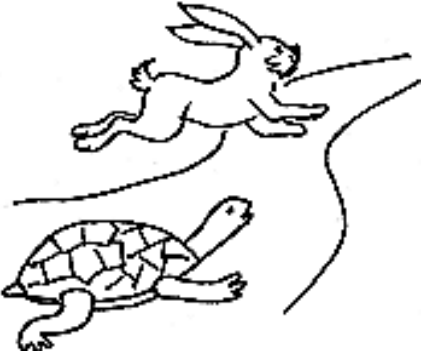
con rùa.

trời mưa.

gỗ mục.

• **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ

 <p>Em <u>gắng</u> _____ học.</p>	 <p>Rùa thỏ chạy _____</p>
--	--

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ua ưa uc ưc.**

Cây lúa

Trời mưa

Hoa cúc

Thức dậy sớm

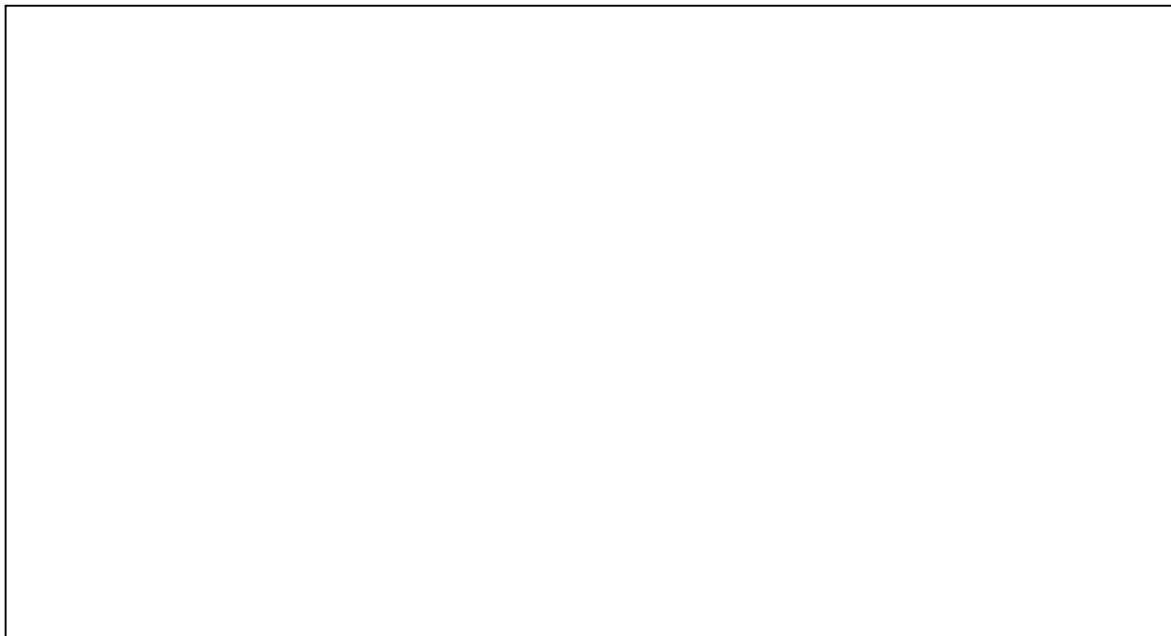
Em gắng sức học hành

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Phải Gắng Sức".

- **Vẽ:**

Con rùa và con thỏ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 12

• Thâu băng cassette.

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đàn Chim Việt".
2. Tập đọc ôn trong những cột có vần **ôp ơp -- ot ôt -- ưa uc**.

• Điền vào chỗ trống.

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đàn Chim Việt" điền vào chỗ trống:

Các em học sinh ví như đàn chim nhỏ. Tất cả chăm chỉ tới tập , tập viết và tiếng Việt Nam. Các em là nguồn , hạnh phúc của cha. Thầy cô chia sẻ niềm vui quý này.

Vào khóa học tới, thầy cô sẽ gặp lại các em thân mến.

• Chọn câu đúng nhất.

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Đàn Chim Việt":

- Các em đến lớp nô đùa.
 cha mẹ vui.
 tập đọc, tập viết, và học nói.
- Ai làm cha mẹ vui ? đàn chim nhỏ.
 thầy cô giáo.
 các em học sinh.

- Thầy cô giáo vui vì cha mẹ các em.
 các em chăm chỉ học hành.
 các em đua chơi.


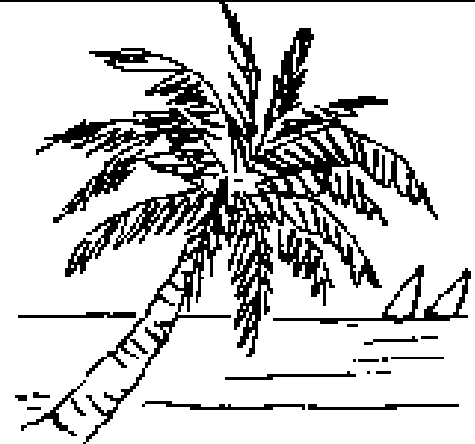
• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

lớp bốn.
thi đua học.
hột ớt.
bút mực đỏ.
bóp còi xe.

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Chim _____ thánh thót.</p>	 <p>Lá cây dừa _____ thưa.</p>
---	--

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ôp ot ôt; ua ưa.**

Hộp phấn

Chim hót

Bạn tốt

Mưa rơi lộp độp.

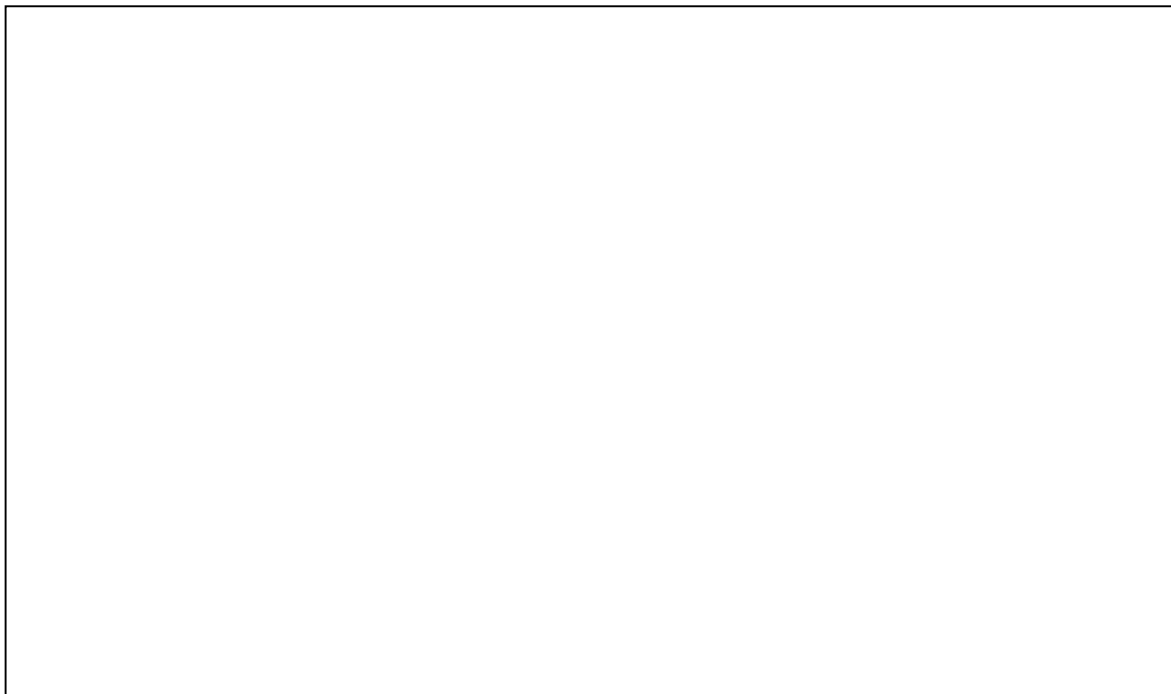
Thỏ chạy thua rùa

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Đàn Chim Việt".

- **Vẽ:**

Con rùa chạy đua với thỏ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 13

• Thâu băng cassette.

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Má Em".
2. Học thuộc lòng: "Gửi Thư".

• Điền vào chỗ trống.

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Má Em" điền vào chỗ trống:

Má em chịu khó làm việc. Ở sở về, má chăm nom nhà cửa. Má vui vẻ lau bàn ghế, giặt áo quần. Trên bàn thờ tổ có bày hoa cúc, hoa tiên.
Vào nhà, em thấy mùi thơm ngát dễ chịu.

• Chọn câu đúng nhất.

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Gửi Thư":

- | | |
|--------------------|---|
| - Ba gửi thư thăm | <input type="checkbox"/> má ở xa. |
| | <input type="checkbox"/> bé Thùy ở xa. |
| | <input type="checkbox"/> ông bà nội và ngoại. |
| - Gia đình em đang | <input type="checkbox"/> ở xa quê nhà. |
| | <input type="checkbox"/> ở gần quê nhà. |
| | <input type="checkbox"/> ở tại quê nhà. |

- Ba má nhận thư ông bà không vui mừng.
 vui mừng ít.
 vui mừng thiết tha.



• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

mũi người
hút bụi
vui vẻ
giặt ủi
lau chùi

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Chú Duy hút _____</p>	 <p>Ba _____ thư thăm bà.</p>
--	---

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ui ưi uy.**

Mũi người

Bụi bặm

Giặt ủi

Duy đi gửi quà

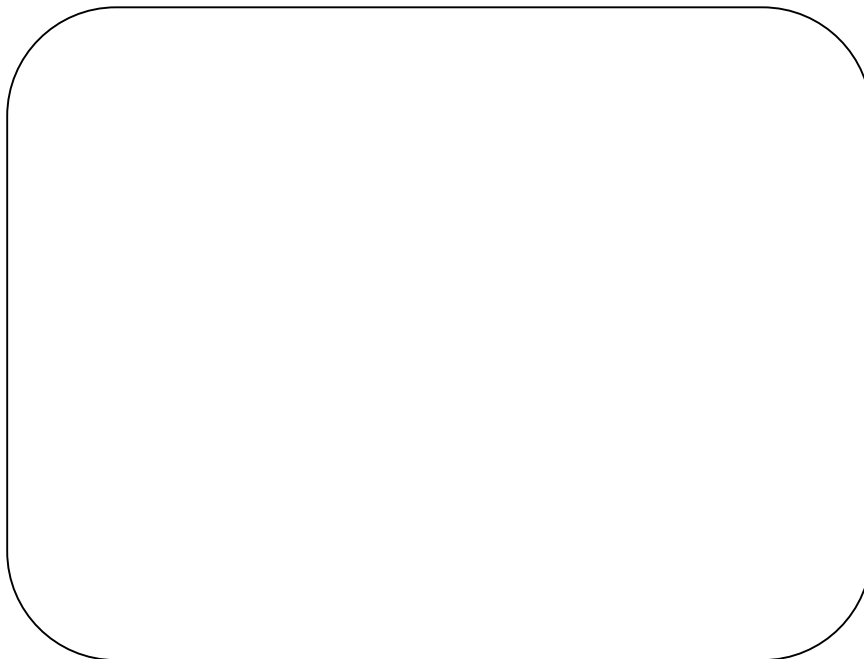
Thúy rất vui vẻ

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Má Em".

- **Vẽ:**

Chậu hoa cúc.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 14

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Chú Lùn".
2. Học thuộc lòng: "Ở Quê".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Chú Lùn" điền vào chỗ trống:

Ở quê em có chú làm nghề đốn củi. Tay cầm con dao cùn, chú chặt củi để bếp. Tới bụi rậm rúi
. , chú dẫm phải bùn sâu. Chân bị tới đầu gối. Rút chân lên không được, chú kêu cứu sùm.

- **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Chú <i>lùng</i> dẫm bùn.
Sáo sậu hay ăn <i>dun</i>
<i>Trùm</i> nho <i>trín</i> đỏ.
Rau <i>quê</i> để ăn <i>phơ</i>
Bụi <i>ốc</i> xum <i>xoe</i>

• **Trả lời.**

Em trả lời câu hỏi.

1. Em kể tên vài loại chim ăn giun ?

2. Rau húng quế dùng để làm gì ?

3. Um tùm và xum xuê có khác nghĩa nhau không ?

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>_____ nho chín đỏ.</p>	 <p>Sáo sậu ăn _____</p>
---	--

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **um un uê.**

Rét run

Làm giùm

Khai thuế

Bún bò Huế cay

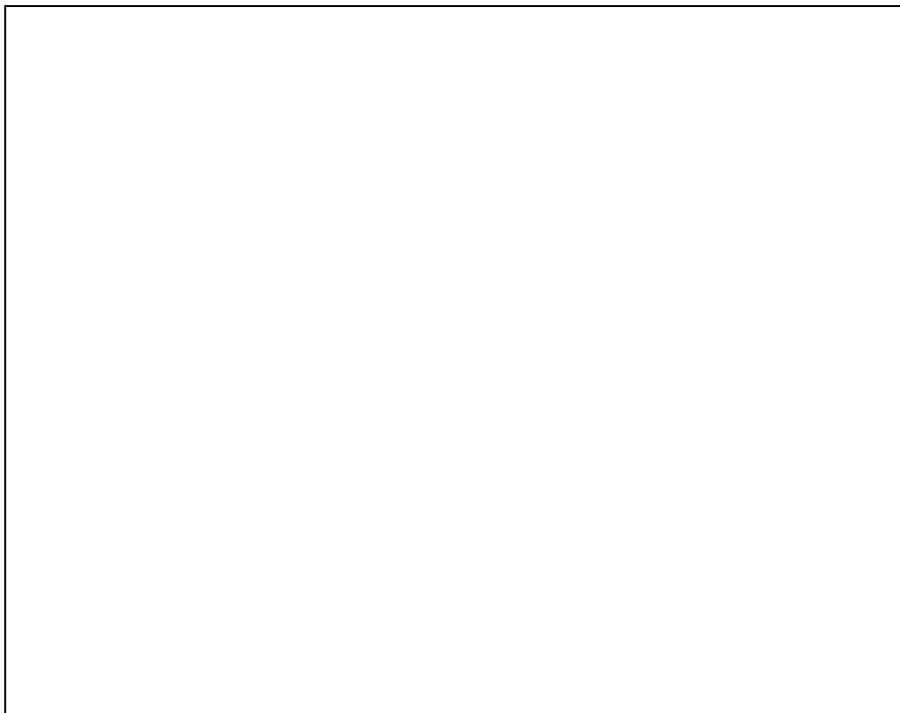
Chú lùn kêu cứu um sùm

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Chú Lùn".

- **Vẽ:**

Tô phở.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 15

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đi Cắm Trại".
2. Bài hát: "Thằng Cuội".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đi Cắm Trại" điền vào chỗ trống:

Em và các bạn cùng lớp đi cắm trại. Chủ Nhật vừa qua, chúng em nô nức trèo lên ngọn đồi xa Cả lớp dựng được bốn túp lều Mai bị tay vì chặt củi bếp. Các bạn vui vẻ phụ nấu ăn. Bữa ăn trưa ở trại thật là

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc: "Đi Cắm Trại":

- Ngọn đồi xa thật xa.
 thăm thẳm.
 hun hút.

- Bốn túp lều to cao.
 cao đẹp.
 lụp xụp.

- Bữa cơm trưa

- thật là đầy đủ.
- thật đơn giản.
- thật thú vị.

• **Trả lời.**

Em trả lời câu hỏi.



1. Cả lớp đi cắm trại vào ngày nào ?

2. Các em trèo lên ngọn đồi xa như thế nào ?

3. Cả lớp dựng được mấy túp lều lụp xụp ?

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

	
Kẹo _____ ngày Tết.	Túp lều _____

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **up ut, ưt.**

Túp lều lượ xượ

Mưa ngập lụt

Nóng hè bức rứt

Chụp đèn búp sen

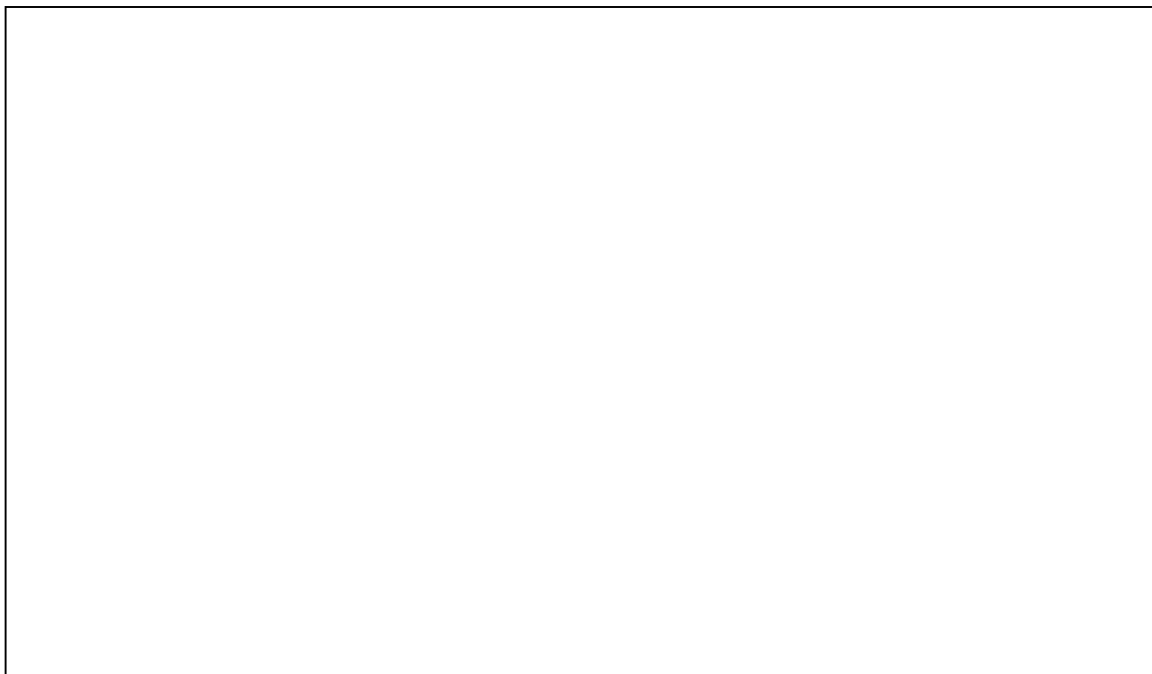
Dì Út hút bụi xe

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Đi Cắm Trại".

- **Vẽ:**

Ba túp lều.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 16

- **Học ôn thi.**

Thầy cô hướng dẫn các em những bài đã học để ôn thi cuối khóa.



Bài đọc thêm

Sự Tích Trầu Cau

Đời Hùng Vương thứ 4, có hai anh em nhà họ Cao, giống nhau như đúc. Hai anh em rất thương mến nhau.

Đến khi người anh có vợ rồi, anh em cũng vẫn ở chung một nhà. Một hôm, hai anh em cùng nhau ra đồng làm việc. Người em về trước. Chị dâu tưởng chồng mình, vui vẻ ra đón, có chiều thân ái. Người em sợ anh mình về biết chuyện, bèn bỏ nhà ra đi. Tới bờ sông to, ngồi khóc rồi chết hóa ra hòn đá. Biết được tin người em bỏ đi, người anh vội đi tìm; đến bên hòn đá, khóc em rồi cũng chết, hóa ra cây cau. Người vợ nhớ chồng, đi tìm. Đến bờ sông ôm cây cau khóc thảm thiết, rồi ngất đi mà chết. Sau, hóa ra dây trầu leo lên thân cau.

Người trong vùng biết chuyện lập miếu thờ. Về sau, khi vua Hùng đi qua nghe thuật lại sự tích ấy rất cảm thương. Vua sai hái lá trầu nhai với quả cau thấy có vị thơm, nhổ lên hòn đá thấy màu đỏ thắm. Vua bèn truyền cho dân chúng dùng trầu cau trong việc cưới hỏi.



Phần giải nghĩa các câu tục ngữ

- Bà **Nước chảy, đá mòn.**
Dòng nước cứ chảy mãi trên đá, lâu ngày đá cũng phải mòn. Ý nói kiên nhẫn làm việc gì, lâu ngày cũng sẽ thành công.
- Bài 1 **Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.**
Ăn uống sung sướng thì phải cho khôn ngoan, biết nghe lời dạy bảo.
- Bài 2 **Cái răng cái tóc là vóc con người.**
Hàm răng và mái tóc là hai món chính làm tăng vẻ đẹp con người.
- Bài 3 **Kiên tha lâu đầy tổ.**
Kiên nhẫn làm mỗi khi một ít, lâu ngày sẽ thành công.
- Bài 4 **Thương người như thể thương thân.**
Yêu thương, lo lắng cho người khác giống như lo cho chính mình.
- Bài 5 **Lá rụng về cội.**
Con cái dù được ai nuôi dưỡng, lớn lên cũng muốn tìm về cha mẹ ruột, ông bà hay nguồn gốc, tổ tiên của mình.
- Bài 6 **Sau cơn mưa trời lại nắng.**
Hết loạn đến trị, hết nguy đến an. Sau một hồi xung đột, chừng biết ý nhau rồi hai đảng thân mật hơn trước.
- Bài 7 **Con hơn cha là nhà có phúc.**
Con mà làm nên hơn cha là hợp với lẽ tiến bộ của xã hội. Gia đình có phúc đức.
- Bài 8 **Nước chảy đá mòn.**
Đá dù cứng hơn nước, nhưng nước chảy lâu ngày đá cũng phải mòn. Con người bền chí làm một việc gì, lâu ngày sẽ thành công.
- Bài 9 **Góp gió thành bão.**
Thu nhặt mỗi ngày một ít, lâu ngày sẽ được một số lớn.
- Bài 10 **Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.**
Nên coi trọng cái thực chất bên trong, hơn là cái vỏ loè loẹt hào nhoáng bên ngoài.

Bài 11 Có đức mặc sức mà ăn.

Có phước đức do sự ăn ở hiền lành của mình hay của cha mẹ ông bà thì không lo nghèo đói, khổ sở.

Bài 12 Của rề rề không bằng một nghề trong tay.

Giàu có mà không làm ra thì lâu ngày cũng hết, không bằng có một nghề mỗi ngày đều làm ra không hết được.

Bài 13 Miệng ăn núi lở.

Ở không mà ăn xài, tiền của bao nhiêu cũng hết.

Bài 14 Làm phúc được phúc.

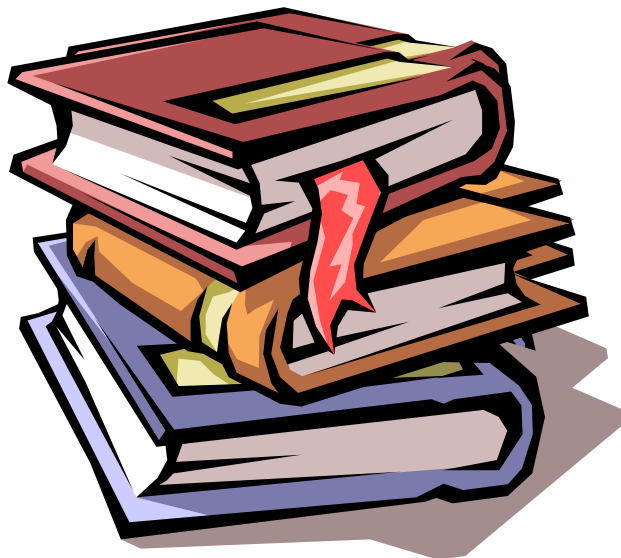
Làm ơn cho ai thì được người đó nhớ ơn và nhiều người khác cảm mến, có dịp là họ làm ơn lại cho mình ngay.

Bài 15 Tay đứt ruột xót.

Một người thân bị hại hay rủi ro mắc nạn, thì các người khác đều đau xót.

Bài 16 Tiền rùng , bạc bể.

Giàu có nhiều của cải, tài sản quý giá.



TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim.
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn.
- **Địa lí Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Văn Việt Ngữ.**
Bùi Văn Bảo.
- **Chữ Việt Học Mau.**
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Em Học Việt Ngữ.**
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.



Quốc Ca Việt Nam

Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi.
Đồng lòng cùng đi hi sinh tiếc gì thân sống.
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho thầy phời trên gươm giáo,
Thù nước lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biến, phải cần giải nguy.
Người công dân luôn vững bền tâm trí.
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi,
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời.
Công dân ơi, mau hiến thân dưới cờ,
Công dân ơi, mau làm cho cõi bờ,
Thoát cơn tàn phá, vẻ vang nòi giống,
Xứng danh ngàn năm giòng giống Lạc Hồng.

Lưu Hữu Phước

Việt Nam Việt Nam

Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời,
Việt Nam, hai tiếng nói bên vành nôi,
Việt Nam nước tôi.
Việt Nam, Việt Nam tên gọi là người,
Việt Nam, hai tiếng nói sau cùng khi lìa đời.
Việt Nam, đây miền xinh tươi,
Việt Nam, đem vào sông núi,
Tự do, Công Bình, Bác Ái muôn đời.
Việt Nam, không đòi xương máu,
Việt Nam, kêu gọi thương nhau,
Việt Nam, đi xây đắp yên vui dài lâu.
Việt Nam, trên đường tương lai,
Lửa thiêng soi toàn thế giới.
Việt Nam, ta nguyện tranh đấu cho đời.
Tình yêu đây là khí giới,
Tình thương đem về muôn nơi,
Việt Nam, đây tiếng nói đi xây tình người.
Việt Nam, Việt Nam.
Việt Nam, quê hương đất nước sáng ngời.
Việt Nam, Việt Nam, Việt Nam muôn đời.

Phạm Duy